

---

# Trích Đoạn “Những Vân Thơ Quỷ” (The Satanic Verses)

---

Salman Rushdie

♦ Chuyển ngữ: Hồ Như & Huy Văn



**LTS:** *The Satanic Verses (Những Vân Thơ Quỷ)* là cuốn tiểu thuyết thứ tư của nhà văn Anh gốc Ấn **Salman Rushdie**. Được xuất bản lần đầu vào tháng 9 năm 1988, cuốn sách lấy cảm hứng từ cuộc đời của nhà tiên tri Hồi giáo **Muhammad**. Cũng như những tác phẩm trước đó của ông, Rushdie sử dụng chủ nghĩa hiện thực huyền ảo cùng lúc dựa trên các sự kiện và cá nhân lịch sử cũng như trong xã hội đương thời để tạo ra các nhân vật và tình tiết cho tác phẩm mà ranh giới giữa hư và thực, tiểu sử và tiểu thuyết trở thành bấp bênh. Những đoạn trong tiểu thuyết liên

quan đến “những vần thơ quý” được dựa trên lời kể của hai học giả Hồi giáo nổi tiếng người Ba Tư có thật trong lịch sử, là **al-Waqidi** và **al-Tabari**, về ba nữ thần Mecca ngoại giáo: **Allāt**, **al-Uzza** và **Manāt**. Người Hồi giáo tin rằng nhà tiên tri Muhammad đã được thiên thần **Gibreel – Gabriel** trong tiếng Anh – viếng thăm trong hai mươi hai năm và truyền đọc những lời của Chúa cho ông. Đến lượt mình, Muhammad lặp lại những lời đó với những tín đồ của mình. Những lời này đã được viết xuống và sau đó trở thành những chương sách của Kinh Qur’an.

Cuốn tiểu thuyết của Rushdie phản ánh nhưng đồng thời cũng chất vấn những niềm tin căn bản của đạo Hồi giáo. Một trong những nhân vật chính, Gibreel Farishta, có một loạt giấc mơ, trong đó y trở thành thiên thần Gibreel. Trong những giấc mơ này, như lặp lại điển tích truyền thống của Hồi giáo về cuộc gặp gỡ giữa thiên thần Gibreel với Muhammad, Farishta cũng gặp một nhân vật tên là **Mahound**. Cách đặt tên của Rushdie cho nhân vật Mahound bị coi là có tính cách khiêu khích, vì Mahound là tên gọi miệt thị, đồng nghĩa với quỷ, mà những người theo đạo Cơ đốc thời Trung cổ đã đặt cho tiên tri Muhammad.

Ngoài ra, tiểu thuyết của Rushdie cũng cho Mahound tự tạo ra những sắc lệnh có lợi cho mình nhưng lại bịa ra là đã được thiên thần Gibreel truyền cho, như những đạo luật cho phép đàn ông áp chế phụ nữ.

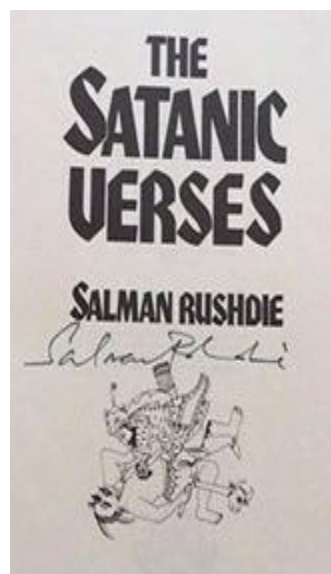
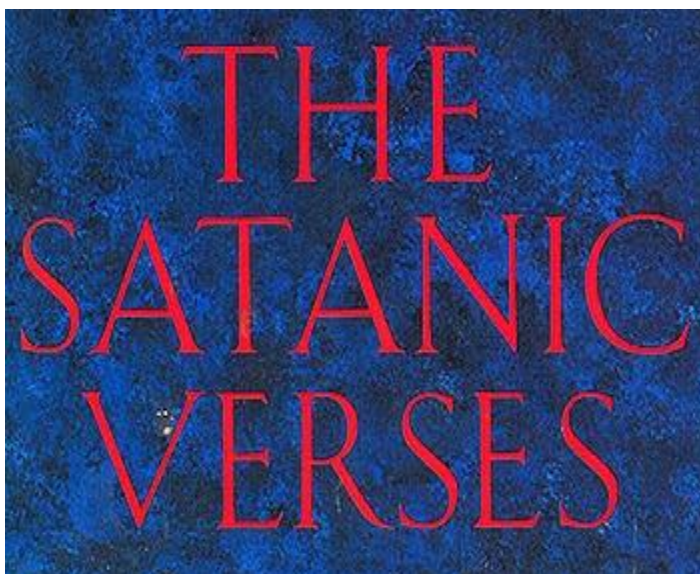
Tại Vương quốc Anh, **The Satanic Verses** đã được tiếp nhận nồng hậu, vào chung kết Giải thưởng Booker năm 1988 (nhưng tác phẩm thắng giải là **Oscar và Lucinda** của **Peter Carey**) và được Giải thưởng **Whitbread** (từ năm 2005 đổi tên là giải **Costa**) dành cho tiểu thuyết xuất sắc nhất của Anh quốc năm 1988. Tuy nhiên, những tranh cãi lớn đã xảy ra sau đó khi người Hồi giáo cáo buộc đây là tội phỉ báng và chế giễu đức tin của họ. Sự phẫn nộ của những người Hồi giáo dẫn đến việc **Ayatollah Ruhollah Khomeini**, lúc đó là Lãnh tụ Tối cao của Iran, trao án *fatwa* vào ngày 14 tháng 2 năm 1989, ra lệnh các tín đồ Hồi giáo giết Rushdie. Nhiều vụ khủng bố bằng bom, và các nỗ lực ám sát thất bại đã xảy ra sau đó cho Rushdie. Ông được mật vụ Anh giúp trốn khỏi Anh

quốc, sống ẩn danh dưới sự bảo vệ của FBI trong một thời gian dài ở vùng ngoại ô Hoa Thịnh Đốn và các thành phố lân cận ở miền Đông nước Mỹ. Các cuộc tấn công cũng nhằm vào một số thân hữu của Rushdie và các nhà xuất bản quốc tế đã phát hành tiểu thuyết của ông, bao gồm cả vụ ám sát dịch giả Nhật bản là **Hitoshi Igarashi**.

Tuy tiểu thuyết đã được xuất bản gần bốn thập kỷ trước, vấn nạn kiểm duyệt vẫn xảy ra như lệ thường ở Việt Nam và ngay cả ở một nước được tôn vinh là tự do như Hoa kỳ. Gần đây, một số sách của những nhà văn nổi tiếng người Mỹ da đen như **Toni Morrison, Maya Angelou** lên án chế độ nô lệ và sự kỳ thị chủng tộc, đã bị giới khuy nh hữu làm áp lực với các trường công để cấm không cho lên chương trình giáo huấn, hoặc phổ biến trong các thư viện công cộng. Đồng thời, giới khuy nh tả, trong tư cách muốn bảo vệ các phần tử như người da màu, những người khuyết tật, đồng tính. v.v., trước bị ngược đãi nay lại có thể bị chấn động bởi những văn bản có vẻ như “vô tình,” đã kêu gọi trên các mạng xã hội việc tự kiểm duyệt hay tẩy chay một số sách với hình ảnh hoặc ngôn từ “nhạy cảm.” Kết quả là mọi tác phẩm với những tư tưởng “nguy hiểm,” “có vấn đề,” và “rối đạo,” đã bị cả hai nhóm bảo thủ và tự do áp chế.

Da Màu, với sứ mệnh văn chương không biên giới, xin hân hạnh giới thiệu với các bạn bản dịch của **Hồ Như**, qua sự trích tuyển tinh tế của dịch giả và biên tập công phu của **Huy Văn**. Với văn phong đầy sắc thái Việt nhưng cũng thể hiện hết sức linh động những đặc tính Anh-Ấn của nguyên bản, Hồ Như đã thành công lôi cuốn độc giả Việt ngữ vào vũ trụ nhiều khe của Rushdie.

\*\*\*



Ấn bản đầu tiên (năm 1988) của *The Satanic Verses*, và chữ ký của Salman Rushdie

### **CHƯƠNG 1 – GIBREEL (trích đoạn)**

Gibreel(1) Farishta (2) đã sinh ra với cái tên Ismail(3) Najmuddin (4) ở Poona (5), Poona thuộc Anh quốc vào giai đoạn cuối của đế quốc Anh, rất lâu trước thời đền Pune của Rajneesh(6) và những thứ đại loại. Ismail theo tên của đứa bé trong vụ tế của Ibrahim(7), và Najmuddin, tức *ngôi sao niềm tin*. Gibreel đã bỏ đi một cái tên hay như thế khi lấy tên theo vị thiên thần.

Gibreel chọn tên hiệu ấy để tưởng nhớ bà mẹ đã qua đời, “mẹ tôi, người mẹ độc nhất vô nhị của tôi, vì chính bà đầu tiên kể chuyện thiên thần này, bà gọi tôi là *farishta*, thiên thần của riêng bà, vì rõ là tôi dễ thương quá, tin hay không tùy ý, nhưng tôi quý như vàng”.

Poona không giữ được chân Ismail. Khi còn ẵm ngửa cậu đã được mang đến thành phố hỗn tạp, cuộc di cư đầu tiên của cậu. Cha của cậu kiếm được việc trong số những kẻ nhanh chân cũng là cảm hứng cho những nhóm nhạc bốn người ngồi xe lăn sau này, những người đưa cơm trưa, hay *dabbawalla*(8) của Bombay. Năm mười ba tuổi, thiên thần Ismail nổi gót cha mình.

Cậu thiếu niên mảnh khảnh Ismail Najmuddin, thiên thần của bà mẹ, đội chiếc mũ kiểu Gandhi chạy đưa cà men cơm trưa khắp phố thị. Cậu nhỏ đưa cơm khéo léo len lách qua đám đông vì đã quá quen tình thế. Thử

tưởng tượng, đội trên đầu ba mươi bốn cà men cơm xếp trên một khay gỗ dài, mỗi lần xe lửa ngừng chỉ có khoảng một phút để chen lên chen xuống, rồi cắm đầu chạy trên đường giữa xe tải xe buýt xe gắn máy xe đạp và mọi thứ khác, một-hai, một-hai, cơm trưa, cơm trưa, dabba phải qua được, rồi mùa mưa phải chạy dọc theo đường tàu khi xe lửa chết máy, hoặc ngập nước nửa người trên một con phố bị lụt, rồi còn băng đảng nữa, những băng đảng cướp cà men cơm trưa, thành phố đói mà, còn biết nói sao, nhưng dân đưa cơm trị được chúng nó, ở đâu họ cũng có mặt, cái gì cũng biết cả, lũ cướp nào thoát được tai mắt họ, chẳng cần nhờ đến cảnh sát, dân đưa cơm tự lo cho nhau.

Ban đêm, hai cha con mệt khướt trở về túp lều của mình gần phi đạo ở Santacruz(9), và khi mẹ của Ismail trông thấy dáng cậu đang đến, soi rọi trong ánh đèn xanh đỏ vàng của các phi cơ phản lực đang bay lên, bà sẽ nói rằng chỉ nhìn thấy cậu thôi là bà đã thoả lòng mơ ước, dấu hiệu đầu tiên rằng Gibreel có điều gì là lạ, vì dường như ngay từ thuở bé cậu đã có thể thoả mãn những ước muốn thầm kín nhất của người khác dù chính cậu cũng không biết mình đã làm thế bằng cách nào. Najmuddin Bồ dường như không hề phiền lòng rằng vợ mình chỉ biết đến con trai, rằng đêm nào chân thẳng bé cũng được xoa nắn trong khi chân ông thì không. Một đứa con trai là ơn phước, người được ban phước phải biết tri ân.

Naima Najmuddin qua đời. Bà bị xe buýt tông, thế thôi. Gibreel không có mặt ở đó để đáp lời cầu nguyện sống còn của bà. Hai cha con không ai nói đến đau buồn. Như thế đó là thông lệ, là thường tình, họ lẳng lẳng chôn vùi nỗi buồn của mình bằng cách làm việc nhiều hơn, lao mình vào một cuộc tranh đua không nói thành lời, ai mang được trên đầu nhiều dabba hơn, ai tìm được nhiều mối đưa cơm hơn mỗi tháng, ai chạy nhanh hơn, như thế lao động là tỏ bày của tình thương. Buổi tối, khi Ismail Najmuddin nhìn thấy cha mình, cổ và hai bên thái dương chằng chịt những sợi gân, cậu hiểu ông bố đã bức mình với cậu đến dường nào, rằng ông rất tha thiết muốn đánh bại cậu để chiếm lại vị thế số một đã bị chiếm mất trong tình cảm của người vợ quá cố. Hiểu ra rồi, người con bớt tranh đua, nhưng ông bố vẫn hăng hái không ngừng, và không lâu sau ông được

thăng chức, không còn chỉ là người chạy đưa cơm mà là muquadam(10) lo việc tổ chức. Khi Gibreel mười chín tuổi, Najmuddin Bô trở thành thành viên của hiệp hội đưa cơm trưa, Hiệp hội Đưa Cơm Trưa Bombay, và khi Gibreel hai mươi tuổi, bố cậu qua đời, chết quay trong một cơn đột quy suýt chút là nổ banh người ông. Chính Tổng Thư ký của Hiệp hội Babasaheb(11) Mhatre đã nói: "Hắn chạy thăng xuống mồ rồi. Tội nghiệp, hắn chạy đến tàn hơi luôn." Nhưng cậu nhỏ mồ côi biết rõ hơn. Cậu biết là rất cuộc cha cậu đã cắm đầu cắm cổ chạy nhanh đủ lâu để xoi mòn những rào cản giữa hai thế giới, rằng ông đã chạy thoát ra ngoài da thịt mình vào vòng tay của người vợ, người vợ ông đã tuyệt đối chứng tỏ tình yêu số một của mình với bà. Có những di dân vui vẻ ra đi.

Babasaheb Mhatre ngồi trong văn phòng màu xanh dương sau cánh cửa màu xanh lá cây trên một khu chợ chằng chịt như mê trận. Ông có dáng dấp đáng nể, mập mạp như Bồ Tát, một trong những thế lực quan trọng của phố thị, có khả năng siêu nhiên là tuy hoàn toàn bất động, không hề nhúc nhích rời phòng mà lại có mặt ở mọi nơi quan trọng và gặp mọi người thế lực ở Bombay. Ngày kế sau ngày cha của cậu Ismail chạy băng qua biên giới để gặp Naima, Babasaheb gọi cậu đến gặp ông. "Sao hả? Buồn không, hay là ...?" Cậu trả lời, mắt nhìn xuống đất: ji (12), cảm ơn ngài, Babaji (13), con không sao. "Im đi," Babasaheb Mhatre nói, "từ hôm nay con ở với ta". Như ... như... nhưng, Babaji ... "Không nhưng nhiecc gì cả. Ta đã cho vợ ta biết rồi. Ta lên tiếng rồi đó." Xin lỗi Babaji, nhưng chuyện chi con không hiểu. "Ta đã *lên tiếng* rồi."

Babasaheb không hề nói với Gibreel Farishta lý do ông quyết định rủ lòng thương cậu và lôi cậu ra khỏi tương lai mờ mịt trên đường phố, nhưng sau đó cậu dần hiểu ra. Bà Mhatre ồm nom, trông như cây bút chì bên cục nhôm Babasaheb, nhưng bà tràn đầy tình mẫu tử đến nỗi lẽ ra bà phải tròn như củ khoai tây. Khi Baba về nhà, bà tự tay đút món ngọt cho ông, và đêm đêm thành viên mới của gia đình nghe tiếng ông Tổng Thư Ký cao trọng của Hiệp hội Đưa Cơm Trưa Bombay cự nự: Mình bỏ tay ra nào, tôi tự thay quần áo được. Trong bữa điếm tâm, bà đút cho ông từng muỗng mạch nha lớn, và chải tóc cho ông trước khi ông đi làm. Họ không có con,

và cậu Najmuddin hiểu là ông muốn cậu giúp chia sẻ gánh nặng. Điều khá lạ lùng là Begum (14) lại không xem cậu nhỏ là con nít. Khi ông Mhatre đáng thương van nài “Cho thằng nhỏ ăn muống mạch nha khi gió này đi”, bà bảo chồng “ông thấy đó, cậu ấy lớn rồi”. Đúng thế, một người lớn, “mình ạ, không nên nuông chiều, phải tập cho cậu ấy thành đàn ông”. Babasaheb bực quá nổi búng lên: “Quý thần ơi, vậy tại sao bà lại làm thế với tôi?” Bà Mhatre oà khóc. “Nhưng ông là tất cả của tôi. Ông là cha, là người yêu, cũng là con cái của tôi. Ông là vị chúa tể mà cũng là đứa con còn bú của tôi. Nếu tôi không làm vừa lòng ông thì tôi sống có nghĩa gì.”

Babasaheb chịu thua và nuốt muống mạch nha.

Ông là người tốt bụng, nhưng vờ vịt la hét mắng mỏ. Để an ủi cậu bé mồ côi, khi nói chuyện với cậu trong văn phòng màu xanh dương của mình, ông sẽ nói đến triết lý luân hồi, thuyết phục cậu rằng cha mẹ cậu đã có thời khoá biểu trở lại đâu đó, dĩ nhiên trừ phi cuộc đời họ thánh thiện đến mức họ thoát được vòng luân hồi. Như thế Mhatre chính là người gieo mầm mống chuyện luân hồi cho Farishta, và không chỉ là chuyện luân hồi. Babasaheb từng là nhà ngoại cảm nghiệp dư, người vỗ chân bàn và mang hồn vía vào ly. “Nhưng ta đã bỏ rồi,” ông bảo cậu nhỏ được ông giúp đỡ với rất nhiều cử chỉ, nhăn nhó, luyến láy đầy kịch tích thích hợp cho tình thế lúc ấy: “sau khi ta bị một mẻ sợ nhớ đời.”

Mhatre kể, có lần một linh hồn viếng ly rất sẵn sàng cộng tác, vô cùng thân thiện, nên ta nghĩ đến việc hỏi đến những câu hỏi trọng đại, *Có Thượng đế không*, và cái ly đang chạy vòng vòng như chuột nhắt hoặc con gì đại loại bỗng dừng sững lại ngay giữa bàn, không nhúc nhích, hoàn toàn không cục cựa. Vậy nên ta nói, được rồi, nếu bạn không muốn trả lời câu đó thì thử câu này xem, rồi ta nói luôn, *Có Quý không*. Thế rồi a-lê-hấp cái ly bắt đầu lắc lư – nghe cho kỹ đây! – mới đầu chậm chậm, rồi nhanh hơn nhanh hơn nữa như miếng thạch dẻo, cho đến khi nó nhảy lên khỏi cái bàn – ối chớ chớ – bắn lên không trung, rồi rớt nằm ngang và – ô hô ai tai – vỡ vụn ra nghìn mảnh. Tin hay không tùy con, ông bảo cậu

nhỏ, nhưng ngay lúc đó ta học được bài học: đừng nhúng mũi vào chuyện mình không hiểu nổi.

Câu chuyện ghi dấu ấn đậm nét trong nhận thức của cậu nhỏ, vì ngay cả trước khi mẹ cậu qua đời, cậu đã tin có một thế giới siêu hình. Tỉnh thoảng, khi cậu nhìn quanh, nhất là trong cái nóng của buổi chiều khi không gian đặc nhão lại, thế giới hữu hình, những đường nét, những sinh vật, những sự vật của nó dường như chĩa lên không trung như vô số bằng hà nóng, và cậu cho rằng mọi thứ tiếp nối phía dưới bề mặt sần sệt của không khí: cậu không nhìn thấy được chín phần mười hiện thực của người ta, xe hơi, chó, áp-phích phim ảnh, cây cối. Cậu chớp mắt, ảo giác sẽ phai đi, nhưng cảm nhận của ảo giác vẫn còn mãi. Cậu lớn lên với lòng tin Thượng đế, thiên thần, ác quỷ, thần linh, tà ma, mặc nhiên như tin chiếc xe bò hoặc cột đèn đường, và cậu cho rằng chính tại vì thị giác kém của cậu mà cậu chưa bao giờ nhìn thấy ma. Cậu vẫn mơ gặp được một bác sĩ đo mắt thần kỳ để cậu có thể mua của ông một cặp kính nhuộm màu xanh lá cây (15) có thể chữa tật mắt đáng tiếc của mình, sau đó cậu có thể nhìn xuyên qua làn không khí đậm đặc chói loá đến thế giới tuyệt vời phía dưới.

Cậu đã nghe người mẹ Naima Najmuddin kể rất nhiều chuyện về nhà Tiên Tri, và nếu chuyện bà kể có lẫn lộn những điều sai lạc, cậu cũng không cần biết đến chúng. Cậu nghĩ: "Một người đáng nể làm sao! Có thiên thần nào mà không mong được nói chuyện với ông?" Tuy thế, đôi khi cậu bắt gặp mình đang có những tư tưởng bất kính, chẳng hạn như khi cậu đang thiếp dần vào giấc ngủ trên cái giường nhỏ ở nhà ông Mhatre, tuy không cố tình nhưng trong hoang tưởng mơ màng cậu so sánh tình cảnh của mình giống cảnh ngộ của nhà Tiên Tri (16) lúc mồ côi nghèo túng đã nỗ lực thành công trong việc quản lý kinh doanh cho bà quả phụ giàu có Khadija rồi sau đó cưới luôn bà. Chìm vào giấc ngủ, cậu thấy mình ngồi trên một cái bệ rải hoa hồng, miệng nhoẻn nụ cười thẹn thùng dưới tấm sari-pallu(17) cậu đã e ấp quàng che khuôn mặt, trong lúc tân lang của cậu là Babasaheb Mhatre âu yếm giơ tay gỡ làn vải và ngắm dung nhan cậu qua tấm gương đặt trên đùi ông (18). Giấc mơ kết hôn với Babasaheb



làm cậu choàng tỉnh, người nóng bừng hổ thẹn, và từ đó cậu bắt đầu lo lắng về sự nhơ bẩn trong con người của cậu đã tạo ra những hình ảnh khủng khiếp dường ấy.

Tuy thế, phần lớn niềm tin đạo giáo của cậu không nồng nhiệt lắm, một phần con người cậu không cần chú tâm đặc biệt hơn những phần khác. Việc Babasaheb Mhatre mang cậu về nhà ông xác nhận với cậu thiếu niên rằng cậu không lẻ loi trên thế gian, rằng có điều gì đó đang chăm lo cho cậu, vì thế cậu không ngạc nhiên lắm khi Babasaheb gọi cậu đến văn phòng màu xanh dương của ông vào ngày sinh nhật hai mươi một tuổi của cậu để cho cậu thôi việc, thậm chí không buồn nghe đến một lời van nài.

“Con bị đuổi việc rồi,” Mhatre tươi cười nhấn mạnh. “Sòng đã trả xong tiền, đã thu hết phỉnh. Cho ra về.”

“Nhưng bác à,”

“Im miệng đi.”

Rồi Babasaheb cho cậu bé mớ món quà lớn nhất của cuộc đời cậu, báo cho cậu biết rằng cậu có cuộc hẹn ở phim trường của huyện thoại trùm điện ảnh D.W.Rama: một cuộc thử tài năng. Babasaheb nói: “Thử dáng vẻ bề ngoài thôi. Rama là bạn thân của ta, và đã cùng ta bàn tính. Mới đầu là một vai nhỏ thôi, rồi tùy sức của con. Giờ thì rút cho khuất mắt, đừng ra vẻ khiêm nhường nữa, không hợp đâu.”

“Nhưng bác à,”

“Mấy đứa như con mặt mũi đẹp để quá làm sao đội cà men trên đầu cả đời được. Đi ngay đi, đi làm diễn viên điện ảnh đồng tính. Ta đã đuổi việc con năm phút trước rồi.”

“Nhưng bác à,”

“Ta đã lên tiếng rồi. Cám ơn vận may của con đó.”

Anh trở thành Gibreel Farishta. nhưng sau bốn năm vẫn chưa trở thành ngôi sao, chỉ học việc với nhiều vai hài nhỏ. Anh bình tâm, không vội vã, như thể nhìn thấy được tương lai, và vì anh không ra vẻ tham vọng, anh trở nên lạc lõng trong ngành nghề săn tìm tư lợi bậc nhất. Người ta cho anh là ngu hoặc tự cao hoặc là cả hai. Đã thế, suốt bốn năm chưa đầu vào đâu đó, anh không hôn được lên môi một phụ nữ nào.

Trên màn ảnh, anh diễn vai thất bại, thằng khờ yêu giai nhân mà không nhận ra rằng muôn đời thì nàng cũng không thèm ngó đến mình, người chú bác khôi hài, người bà con nghèo, thằng ngốc của cả làng, tên đầy tớ, kẻ gian mà không ngoan, loại vai không xứng cho một cảnh yêu đương. Phụ nữ đá anh, tát anh, trêu anh, cười nhạo anh, nhưng trong phim thì không bao giờ nhìn đến anh hoặc hát cho anh nghe hoặc nhảy múa quanh người anh với đôi mắt đang diễn trò yêu đương. Ngoài đời thực, anh sống một mình trong hai phòng trống gần mấy phim trường và cố tưởng tượng phụ nữ khi khoả thân thì trông như thế nào. Để tránh nghĩ đến tình yêu và nhục dục, anh tự học lung tung, ngốn ngấu những huyền thoại nhiều biến hoá của Hy Lạp và La Mã, những hoá thân của Jupiter, cậu bé biến thành đoá hoa(19), người nữ nhện Circe, tất cả mọi thứ; thuyết nhân trí của Annie Besant, lý thuyết trường thống nhất (20), vụ thơ Quỷ khi nhà Tiên Tri mới khởi nghiệp, chuyện chính trị trong hậu cung của Muhammad sau khi ông từ Mecca chiến thắng trở về; chủ nghĩa siêu thực của những tờ báo, trong đó có chuyện bướm bay vào miệng những cô bé để hiển thân làm thức ăn, trẻ con sinh ra không có mặt mày, và những cậu bé nằm mơ đến những kiếp trước rõ ràng không thể tưởng, chẳng hạn như một thành trì bằng vàng đầy những viên đá quý. Anh tự nhồi nhét những chuyện chỉ có Trời mới biết là chuyện gì, nhưng những lúc về sáng trong những đêm mất ngủ, anh phải thú nhận rằng anh tràn đầy một thứ chưa hề được dùng, thứ anh chưa biết phải dùng như thế nào, đó là tình yêu. Trong những giấc mơ, anh bị những phụ nữ xinh đẹp ngọt ngào chịu không nổi hành hạ, nên anh thà thức không ngủ và buộc mình rèn luyện một phần kiến thức tổng quát để xoá đi cảm giác tê lương rằng mình có

khả năng yêu đương nhiều hơn bình thường mà lại chẳng có ai để hiến dâng.

Cú đột phá của anh đến cùng với những cuốn phim về thần học. Một khi công thức làm phim dựa vào kinh Phạn, thường thêm thắt phần ca hát, nhảy múa, chú bác khôi hài, v.v đã thành công, tất cả thần nam hay nữ đều có dịp biến thành ngôi sao. Khi D.W.Rama sắp xếp lịch trình sản xuất cho một cuốn phim dựa trên truyện của Ganesh(21), không có tên tuổi nào đang dẫn đầu số vé bán vào lúc ấy chịu đóng cả cuốn phim trong một cái đầu voi. Gibreel chụp lấy cơ hội. Đó là cuốn phim ăn khách đầu tiên của anh tên *Ganpati* (22) *Baba*, và đột nhiên anh trở thành siêu sao, nhưng chỉ trong lúc đeo cái vòi và hai tai. Sau khi đóng vai ông thần đầu voi trong sáu cuốn phim, anh được phép cởi cái mặt nạ xám dày cộm lặc lự, nhưng rồi lại đeo một cái đuôi dài lông lá để đóng vai vua khỉ Hanuman trong một loạt phim phiêu lưu giống một số phim bộ rẻ tiền của Hong Kong hơn là sử thi Ramayana(23). Loạt phim này được ưa chuộng đến mức một đuôi khỉ trở thành bắt buộc cho các cậu trai Bombay trong các buổi hội họp thường có mấy cô học trường nhà dòng với biệt danh "pháo nổ" vì lúc nào các cô cũng sẵn sàng xả lảng.

Sau loạt phim Hanuman, Gibreel ào ào thẳng tiến. Sự thành công phi thường của anh tô đậm thêm niềm tin rằng anh có một thiên thần hộ mạng, nhưng nó cũng dẫn đến một tiến triển đáng tiếc hơn.

Ngay từ trước khi anh thay cái đầu giả bằng cái đuôi giả, anh đã trở nên quyến rũ khó cưỡng đối với phụ nữ. Sự mê hoặc bắt nguồn từ tầm tiếng của anh mạnh mẽ đến mức nhiều cô xin anh đeo mặt nạ Ganesh trong lúc ân ái, nhưng kính trọng phẩm giá của vị thần, anh từ chối. Sự ngây thơ trong giáo huấn của anh khiến lúc ấy anh không thể phân biệt phẩm chất với số lượng và cảm thấy cần bù đắp thời gian đã mất. Anh có nhiều bạn tình đến mức anh thường quên tên của họ ngay cả khi họ chưa rời phòng anh. Chẳng những anh trở thành loại phóng đảng tệ mạt nhất, nhưng anh còn học được nghệ thuật giả dối, vì người diễn vai thần thánh phải toàn hảo. Anh khéo giấu cuộc đời tai tiếng và trác táng của mình đến nỗi khi ông chủ trước kia của anh là Babasaheb Mhatre sắp chết, mười năm sau

khi ông đưa cậu thanh niên đưa cơm trưa vào thế giới của ảo giác, tiền xã hội đen và nhục dục, nài nỉ anh lấy vợ để chứng tỏ anh là đàn ông. “Ta xin con,” ông van nài, “khi ta bảo con đi thành đồng tính ta đâu ngờ con tưởng thực, có kính người già thì cũng vừa vừa thôi.” Gibreel giơ hai tay lên trời và thề rằng anh không phải cái loại như bản ấy, rằng khi gặp người ưng ý thì dĩ nhiên anh sẽ hăng hái kết hôn. “Con chờ cái gì chứ? Nữ thần trên trời chẳng? Greta Garbo, Gracekali (24), ai hả?” ông già vừa la vừa ho ra máu, nhưng Gibreel chỉ mỉm cười bí hiểm khiến ông qua đời mà không hoàn toàn yên dạ.

*(Còn tiếp)*

---

### **Chú thích:**

(0) Tác giả dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau cho một số khái niệm và tên nhân vật trùng lặp trong nhiều tôn giáo và văn hóa. Chú thích trong bản dịch này sẽ phần lớn dùng phiên bản tiếng Anh. Tuy thế, những tên phiên âm từ tiếng Ả Rập có thể có nhiều phiên bản tiếng Anh khác nhau.

(1) Gabriel, thiên sứ quan trọng nhất của Hồi giáo, đã truyền lại lời Thượng Đế (Allah) cho nhà Tiên Tri Muhammed trong hai mươi hai năm.

(2) Farishta có nghĩa là “thiên thần” trong ngôn ngữ Farsi (Iran và khu vực bắc Ấn) và Hindi (Ấn).

(3) Ishmael, con của Abraham, tổ tiên trong Do Thái giáo, Ki-Tô giáo, Hồi giáo và một số tôn giáo khác.

(4) chữ Ả Rập có nghĩa là “ngôi sao niềm tin”.

(5) Pune, một tỉnh thuộc bang Maharashtra của Ấn Độ.

(6) Một guru (bậc thầy tâm linh) của Ấn Độ (1931-1990) tạo được tiếng vang trong thập niên 1960 và được cho là có ảnh hưởng trong phong trào New Age ở Tây phương.

(7) Abraham. Vụ tế trong câu này chỉ đến việc Abraham sẵn lòng tuân lời Thượng Đế để tế con trai của mình là Isaac.

(8) "Người giao (walla) cà men cơm trưa (dabba)" trong tiếng Hindi.

(9) Một khu phố của Bombay.

(10) Chức quản lý hay đốc công.

(11) Một danh xưng để tỏ lòng tôn kính: baba (cha) và saheb (tiếng thưa gửi).

(12) Dạ thưa.

(13) Một danh xưng để tỏ lòng tôn kính: baba (cha) và ji (tiếng thưa gửi).

(14) Danh xưng dành cho phụ nữ Hồi giáo có địa vị xã hội cao.

(15) Tiên tri Muhammad của Hồi giáo.

(16) Dùng ý tưởng từ truyện thiếu nhi *The Wizard of Oz* của L. Frank Baum.

(17) Sari, y phục phụ nữ Ấn, có một tấm khăn lớn để thắt quanh người và một đoạn rời thường vắt ngang vai.

(18) Một trong những thông lệ của đám cưới Hồi giáo: cô dâu và chú rể nhìn mặt nhau trong tấm gương trên đui họ.

(19) Narcissus trong thần thoại Hy Lạp.

(20) Unified field theory.

(21) Một vị thần Hindu mình người đầu voi.

(22) Một tên khác của Ganesh.

(23) Một trong hai sử thi quan trọng nhất của Ấn Độ cổ đại (cuốn thứ hai là Mahabharata).

(24) Grace Kelly.

## CHƯƠNG 2 – MAHOUND (trích đoạn)

Người thương nhân: dáng hình như miêu tả, trán cao, mũi khoằm, vai rộng, hông hẹp. Cao trung bình, vẻ đăm chiêu, quàng hai mảnh vải đơn sơ, mỗi tấm dài sáu gang tay, một tấm quấn ngang người, tấm kia vắt qua vai. Đôi mắt to, lông mi dài như mi thiếu nữ. Sải chân của ông trông như quá đà, nhưng ông là người nhanh nhẹn. Trẻ mồ côi biết mình phải là mục tiêu di động, phải tập bước nhanh, phản ứng nhanh, thận trọng lời ăn tiếng nói. Ông đi lên cao, qua những bụi gai và cây nhựa thơm, cào bám những hòn đá, một người sung sức, không phải chủ nợ cho vay nặng lãi bụng phệ. Phải là loại thương nhân kỳ lạ thì mới bỏ đi vào chốn hoang sơ, lên Núi Cone đôi khi cả tháng trường chỉ để được một mình.

Tên của ông: đọc cho đúng, nó có nghĩa người-đáng-được-tạ-ơn(1), nhưng ông sẽ không đáp ứng khi được gọi cái tên ấy, cũng không đáp ứng với cái tên ông biết rất rõ người ta đã gán cho ông ở Jahilia dưới kia – *người-lên-xuống-Coney*. Trong câu chuyện này ông không phải là Mahomet hay MoeHammered(2); thay vì thế ông đã nhận dấu quỷ do những farangi(3) đeo lên cổ ông. Để biến nhục nhằn thành sức mạnh, dân thuộc địa hô hào độc lập(4), thần dân đế quốc Anh(5), và dân da đen đều chọn cách kiêu hãnh quàng lên mình cái tên người ta đã khinh bỉ gán cho họ; tương tự như thế, kẻ đơn độc leo núi với ý muốn thành tiên tri của chúng ta mang cái tên đồng nghĩa với Quỷ dùng để dọa trẻ con thời trung cổ: Mahound.

Chính là ông ta. Thương nhân Mahound đang leo lên ngọn núi nóng nực ở Hijaz(6). Bên dưới ông là ảo ảnh một thành phố sáng rỡ trong ánh nắng.

oOo

Thành phố Jahilia(7) xây toàn bằng cát, những kiến trúc của nó nổi lên từ sa mạc. Một cảnh tượng kỳ diệu có tường bao quanh, bốn cổng, một phép lạ do cư dân thành phố tạo nên, những người đã học được bí quyết biến lớp cát trắng mịn đùn đóng ở những nơi hoang vu ấy – luôn bất định – luôn rối loạn, di dịch, dời đổi, không định hình – theo phép hoá kim thành sự cố định họ mới sáng tạo. Những người này, ra đời chỉ ba, bốn thế hệ sau quá khứ du mục, khi ông cha họ cũng không có cội rễ như những đụn cát, hoặc nói đúng hơn là lúc ông cha họ vững tin rằng cuộc hành trình chính là tổ ấm.

– Ngược lại, người di dân không cần đến cuộc hành trình, nó chỉ là một phiền phức không thể tránh; chủ đích là đến nơi. –

Thế nên, là những thương nhân khôn khéo, mới gần đây dân Jahilia định cư ở giao điểm giữa hai con đường của những đoàn lữ hành lớn, và buộc những đụn cát phải theo ý mình. Giờ đây cát phục vụ những thương nhân

phố thị nhiều quyền năng. Nện thành đá tảng, nó lát những con đường ngoằn ngoèo của Jahilia; ban đêm, những ngọn lửa màu vàng rực lên từ những lò luyện cát. Trên những bức tường cát cao vô tận của các dinh thự thương nhân, những cửa sổ dài hẹp lát kính; trong những ngõ ngách của Jahilia, xe lửa kéo lặn trên những bánh xe trơn tru bằng cát tinh luyện. Người bụng dạ ác độc sẽ đôi khi hình dung một ngọn sóng lớn đang đến, một bức tường nước cao vút sủi bọt âm âm cuốn ngang qua sa mạc, một tai ương lòng đầy những thuyền bè gãy đôi và những cánh tay chìm ngihim, một ngọn thủy triều quét những lâu đài cát phù phiếm này vào hư vô, trở lại thành những hạt cát như trước kia. Nhưng ở đây không có sóng. Ở Jahilia nước là kẻ địch. Nước được chuyên chở trong những bình đất, không được làm đổ (luật pháp trừng phạt nặng những kẻ phạm tội), vì nơi nước đổ thì thành phố soi mòn rất đáng sợ. Đường xá lổ chỗ, nhà cửa xiêu vẹo. Những phu khuân nước của Jahilia là bọn đáng khinh nhưng cần thiết, những kẻ hạ tiện không thể bỏ mặc và vì thế không thể tha thứ. Jahilia không bao giờ có mưa; không có vòi nước phun trong những khu vườn cát. Một vài cây lá cọ đứng trong những khoảng sân giữa nhà, rễ luôn sâu và toả rộng dưới mặt đất để tìm hơi ẩm. Thành phố lấy nước từ những dòng nước và suối ngầm, một trong những nguồn nước này là giếng Zamzam huyền thoại, ngay giữa lòng thành phố cát xây kiểu đồng tâm, kế bên Nhà Đá Đen. Cạnh Zamzam là một beheshti(8), một phu khuân nước bị khinh rẻ, đang kéo lên thứ dung dịch nguy hiểm và tối cần thiết cho sự sống. Hắn có một cái tên: Khalid.

Jahilia là thành phố của thương nhân. Tên của bộ tộc là *Cá Mập*(9). Ở thành phố này, thương-nhân-hoá-tiên-tri là Mahound đang tạo dựng một trong những tôn giáo lớn của thế giới; và ngày hôm nay, ngày sinh nhật của ông, ông đã gặp cơn khủng hoảng của cuộc đời mình. Một giọng nói thì thầm vào tai ông: *Người thuộc loại nào? Dũng cảm hay hèn nhát*(10)?

Chúng ta biết giọng nói ấy. Chúng ta đã có lần nghe thấy nó.

oOo

Trong khi Mahound leo núi Coney, Jahilia ăn mừng một ngày kỷ niệm khác. Thời xa xưa ông tổ Ibrahim đã đến thung lũng này với bà Hagar và con của họ là Ismail. Nơi đây, giữa chốn hoang dã khô cằn, ông bỏ rơi bà. Bà hỏi ông: lẽ nào đây là ý Trời? Ông nói: đúng là ý Trời. Rồi lão già khốn kiếp đi mất, Từ nguyên thủy, đàn ông vẫn luôn dùng ông Trời để biện minh cho những chuyện không thể biện minh, nói rằng ý Trời khó thấu. Hagar cả tin: *thế thì chắc Trời chẳng để cho ta phải chết*. Sau khi Ibrahim bỏ bà lại, Hagar cho đứa bé bú cho đến khi vú bà cạn sữa. Rồi bà leo hai ngọn đồi, đầu tiên là Safa rồi Marwah, chạy từ đồi này đến đồi kia trong cơn tuyệt vọng, cố tìm một cái lều, một con lạc đà, một ai đó. Bà không tìm thấy gì cả. Lúc ấy Gibreel đến chỉ cho bà thấy nguồn nước Zamzam. Nhờ thế Hagar sống sót, nhưng ngày nay những người hành hương tụ họp để làm gì? Để mừng bà sống sót ư? Hoàn toàn không phải. Họ mừng

thung lũng đã hân hạnh được Ibrahim thăm viếng. Nhân danh người chồng âu yếm ấy, họ tụ tập, thờ phượng, và nhất là tiêu tiền. Jahilia ngày nay toàn là nước hoa. Hương thơm Ả Rập, hay là *Arabia Odorifera*, lơ lửng trong không gian: các chất nhựa thơm, các loại quế, trầm hương. Khách hành hương uống rượu chà là và lang thang trong khu lễ hội Ibrahim. Trong số đó, một người cau tít mày khác hẳn đám đông tươi cười: một người đàn ông mặc áo trắng dài rộng, cao hơn Mahound gần một cái đầu. Râu ông cắt sát khuôn mặt dài có lưỡng quyền cao, bước chân ông mang vẻ uyển chuyển và thanh nhã chết người của quyền lực. Ông là Karim Abu Simbel, Đại Nhân của Jahilia, chồng của bà Hind xinh đẹp và dữ dội. Đứng đầu hội đồng cai quản thành phố, giàu đếm không hết, là chủ của những đền đài nhiều lời lãi ở các cổng thành, có nhiều lạc đà, cai quản những đoàn lữ hành, có vợ là mỹ nhân đẹp nhất vùng: có gì khiến người như thế hoang mang? Thế nhưng, Abul Simbel cũng sắp phải chịu một cơn khủng hoảng. Một cái tên gặm nhấm lòng ông, và chúng ta có thể đoán cái tên đó là gì. Mahound Mahound Mahound.

Ôi vẻ tráng lệ của khu chợ phiên Jahilia! Những sạp hàng ngát hương bày vô số hương vị, lá cây keo, gỗ thơm; những người bán hương thơm thì nhau mời chào khứu giác của khách hành hương cũng như túi tiền của họ. Abul Simbel chen lấn qua đám đông. Thương nhân, người Do Thái giáo, người Chính Thống Thuyết(11), người Nabatea mua bán vàng bạc, cân đo chúng, dùng hàm răng nhiều kinh nghiệm cắn những đồng tiền. Có vải mịn của Ai Cập và lụa của Trung Hoa, vũ khí và thóc lúa của Basra. Có đánh bạc, uống rượu và nhảy múa. Có rao bán nô lệ người Nubia, người Anatolia, người da đen. Bốn nhóm của tộc Cá Mập kiểm soát những khu vực khác nhau của chợ phiên, hương thơm và gia vị trong những lều Đỏ, da thuộc và vải trong những lều Đen. Nhóm Tóc Trắng có kim loại quý và gươm đao. Giải trí – đồ xúc xắc, múa bụng, rượu chà là, hút cần sa và á phiện thuộc quyền nhóm thứ tư của tộc, Chủ nhân Lạc đà Đốm, cũng kiêm luôn việc buôn bán nô lệ. Abul Simbel nhìn vào một lều múa. Khách hành hương ngồi. nắm chặt túi tiền trong bàn tay trái; thỉnh thoảng một đồng tiền được chuyển từ cái túi sang lòng bàn tay phải. Những vũ công lắc người và đổ mồ hôi, mắt không rời những ngón tay của khách hành hương; khi tiền không còn sang tay, điệu múa cũng ngừng. Vị đại nhân nhìn mặt và buông tấm bạt che cửa lều xuống.

Jahila được xây thành hình những vòng tròn, những căn nhà toả ra từ Nhà Đá Đen, đại khái theo mức độ giàu sang và gia thế. Dinh thự của Abul Simbel thuộc vòng tròn thứ nhất, sâu trong cùng. Ông đi xuống một trong những con đường quanh co hình vòng cung, qua nhiều nhà tiên tri của thành phố đang kiếm tiền của người hành hương bằng cách hót, gù, rít trong lúc nhập đồng những thần chim, thần thú, thần rắn khác nhau. Một mục phù thủy chưa kịp ngẩng nhìn đã ngồi bệt xuống trước mặt ông: "Ngài có muốn chiếm trái tim của một cô gái không? Muốn trị được kẻ thù không? Thử tài của ta đi, thử mấy nút thắt của ta đi!" rồi lúc lắc giơ lên một giây thừng thắt nút, thứ chụp bắt vận mạng con người – nhưng khi



nhìn thấy người trước mặt, mục vội buông cánh tay thất vọng xuống, vừa lầm bầm vừa lẩn vào cát bụi.

Đâu cũng có tiếng ồn và khuỷu tay. Các nhà thơ đứng trên bục hùng hồn diễn thuyết trong khi khách hành hương ném tiền xuống dưới chân họ. Một số đọc thơ thể rajaz, dạng thơ bốn chữ, theo truyền thuyết được phỏng theo nhịp bước lạc đà; những người khác đọc thơ dạng qasidah(12), những bài thơ về các cô các bà ương bướng, chuyện phiêu lưu trong sa mạc, cuộc săn lừa rừng. Khoảng một ngày nữa là đến cuộc thi thơ hàng năm, sau đó bảy bài thơ hay nhất sẽ được đóng đinh lên tường Nhà Đá Đen. Các nhà thơ đang tập dợt cho ngày quan trọng. Abul Simbel cười nhạo những người hát rong đang ca những bài châm biếm độc địa, những bài thơ chua cay do những tộc trưởng, những bộ tộc đặt làm để phỉ báng nhau. Ông gật đầu chào khi một trong các nhà thơ đi song hàng với ông, một nhà thơ trẻ gầy gò với những ngón tay không lúc nào yên. Khắp Jahilia đã e sợ cái lưỡi của nhà trào phúng trẻ này, nhưng đối với Abul Simbel cậu mang vẻ gần như kính cẩn: "Sao Đại Nhân có vẻ lo nghĩ thế? Phải chi ngài chưa bị rụng tóc thì ta đã xin ngài xoã tóc cho thoải mái." Abul nhếch cười, rồi nói với vẻ suy ngẫm: "Uy danh đến thế, tầm tiếng đến thế khi vẫn còn răng sữa. Hãy coi chừng, nếu không chúng ta sẽ phải nhổ răng cho cậu." Ông đang đùa cợt, nói bông lơn, nhưng quyền lực của ông khiến thậm chí vẻ bông lơn cũng pha lẫn đe dọa. Thăng nhóc tỉnh bơ. Nhịp cùng bước với Abul Simbel, cậu trả lời: "Mỗi cái răng ngài nhổ sẽ mọc ra một cái khác chắc hơn, chắc sâu hơn, phọt máu nhiều hơn." Đại nhân thoáng gật gù. Ông nói: "Cậu thích máu." Cậu nhóc nhún vai, trả lời: "Đó là công việc của nhà thơ. Gọi tên điều không thể gọi tên, chỉ ra điều lừa đảo, chọn thế đứng, khởi đầu tranh luận, uốn nắn thế gian và không cho phép nó ngủ quên." Nếu máu có chảy thành sông từ những vết cắt do thơ của cậu gây ra, thì máu đó sẽ nuôi nấng cậu. Cậu là nhà trào phúng Baal(13).

Một chiếc kiệu che màn đi ngang; một phu nhân nào đó của thành phố ra ngoài xem chợ phiên trong kiệu khiêng trên vai tám nô lệ gốc Anatolia. Lấy cớ kéo cậu Baal tránh đường, Abul Simbel nắm lấy khuỷu tay cậu, thì thầm: "Ta đang kiểm cậu, cậu cho ta nói vài lời." Baal phục lẫn sự khôn khéo của Đại Nhân. Ông lúng người, nhưng ông khiến con mồi của ông tưởng mình đã sẵn được thợ săn. Abul Simbel nắm khuỷu tay Baal chặt hơn, kéo cậu về phía thánh địa bậc nhất trong những thánh địa ở trung tâm thành phố.

Đại Nhân nói: "Ta muốn mượn cậu làm một việc văn chương. Ta tự biết thân. Tài đặt ra vần điệu ác mớ, nghệ thuật mạ lỵ bằng thơ, ta không làm nổi. Cậu hiểu mà."

Nhưng Baal, kẻ kiêu hãnh tự cao, thẳng người lại, khư khư giữ tự tôn của mình: "Nghệ sĩ không nên trở thành tôi tớ của chính quyền." Abul Simbel nói nhỏ giọng hơn, với nhịp điệu êm ái hơn: "Phải rồi. Ngược lại, để những kẻ ám sát sai khiến thì lại hoàn toàn đáng kính." Một nhóm cuồng giáo

thờ người chết đang thịnh hành ở Jahilia. Khi ai đó chết, những người khóc mướn tự đánh đập, tự cào ngực, giật tóc. Một con lạc đà đã bị cắt gân gối sẽ bị bỏ lại trên mộ chờ chết. Nếu người dưới mộ đã bị giết thì thân nhân của người đó sẽ thề độc và săn đuổi kẻ giết người cho đến khi nợ máu đã trả bằng máu. Lúc ấy, theo lệ thì một bài thơ sẽ được viết ra để ăn mừng, nhưng ít có người báo thù biết khéo đặt thơ. Nhiều nhà thơ kiếm ăn bằng cách viết những bài ca ám sát, và đa số đồng ý rằng người viết ra những vần điệu ca ngợi máu me hay nhất chính là nhà hùng biện còn rất trẻ Baal. Cũng là người lúc này nhờ kiêu hãnh nghề nghiệp mà không bị lời châm biếm của Đại Nhân làm thương tổn. Cậu trả lời: "Đó là vấn đề văn hoá." Ở trước cổng Nhà Đá Đen, Abul Simbel hạ giọng mướm mà hơn nữa, thì thào: "Có thể là thế, nhưng này Baal, cậu phải nhận là ta có chút quyền yêu sách với cậu, vì nếu ta không làm, cả hai ta cùng phụng sự một nữ chủ."

Mặt Baal nhợt đi, vẻ tự tin rạn nứt rơi xuống như lớp vỏ. Đại Nhân dường như không để ý đến sự thay đổi ấy, kéo nhà trào phúng vào trong Nhà Đá Đen.

Người dân Jahilia nói rằng thung lũng này là cái rún của trái đất, rằng trái đất khi mới tạo thành đã xoay quanh điểm này. Adam đã đến đây và đã thấy một phép lạ: bốn cột ngọc lục bảo nâng đỡ một viên hồng ngọc khổng lồ rực rỡ, bên dưới vòm hồng ngọc này là một hòn đá trắng to lớn cũng rực sáng, như một cảnh tượng của linh hồn ông. Ông dựng những bức tường kiên cố quanh cảnh tượng này để giữ nó đời đời gắn liền với trái đất. Đó là ngôi Nhà thứ nhất. Nhà đã được xây lại nhiều lần — một lần là do Ibrahim, sau khi Hagar và Ismail được sống còn nhờ thiên thần giúp đỡ — và dần dà những cái sờ mó nhiều vô kể của người hành hương đã biến hòn đá trắng thành màu đen. Rồi đến thời thờ phượng lung tung, và đến thời của Mahound thì đã có ba trăm sáu mươi tượng thần bằng đá chen chúc chung quanh hòn đá của Thượng đế.

Adam biết ra thì sẽ nghĩ sao? Những người con trai của ông giờ ở đây: tượng Hubal(14) rất lớn, do dân Amalek gửi đến từ vùng Hit, đứng trên giếng bảo vật. Hubal người chần gia súc, nét trắng lười liềm đang tròn. Cũng có Kain(15) giận dữ, nguy hiểm, là nét trắng lười liềm đang khuyết, nhạc sĩ, thợ rèn. Kain cũng có những người tín mộ riêng của mình.

Hubal và Kain nhìn xuống Đại Nhân và nhà thơ trong lúc họ dạo quanh. tượng tửu thần Dionysus chính gốc của người Nabatea, thần chiến tranh Shara, nữ thần sao mai Astarte, thần sao Thổ Nakruh. Đây là thần Mặt Trời Manaf! Kia là thần Nasr trong dạng đại bàng khổng lồ đang vỗ cánh! Kia xem Quzah, thần giữ cầu vồng... đây phải chăng là một tập hợp thần linh, một cơn lũ đá để thoả mãn lòng ham hố của người hành hương, cơn đói khát vô đạo của họ. Các thần linh được dùng để quyến rũ người hành hương cũng đến từ thập phương như họ. Những tượng thần cũng là đại diện của một thứ chợ phiên toàn cầu.

Ở đây có một vị thần tên Allah (chỉ có nghĩa là thần thánh). Nếu hỏi dân Jahilia, họ sẽ nói ông này có một thứ quyền năng bao trùm, nhưng không được ưa chuộng cho lắm, một thần toàn năng trong thời đại chuyên ngành.

Abul Simbel và Baal, người đang toát mồ hôi, đã đến ba điện thờ đặt cạnh nhau của ba nữ thần được yêu mến nhất Jahilia. Họ cúi chào cả ba: Uzza dung nhan rạng rỡ, nữ thần của sắc đẹp và ái tình, Manat u ám khó hiểu, mặt ngoảnh đi, tâm ý bí ẩn, đang lọc cát qua kẽ ngón tay – bà lo chuyện vận số – bà là Định Mệnh; và cuối cùng là nữ thần có địa vị cao nhất trong bộ ba, nữ thần của các bà mẹ, tên Hy Lạp là Lato. Ở đây họ gọi bà là Ilat, hoặc thường hơn là Al-Lat. *Nữ thần*. Đến cái tên của bà cũng đặt bà ngang hàng và đối nghịch với Allah. Lat vạn năng. Khuôn mặt bóng bốt căng thẳng, Baal vật người xuống đất phục mình trước mặt bà. Abul Simbel vẫn đứng.

Gia đình của Đại Nhân Abul Simbel — hoặc đúng hơn là gia đình của Hind, vợ ông — nắm kiểm soát đền thờ Lat nổi tiếng ở cổng thành phía nam. (Họ cũng có thu nhập từ đền thờ Manat ở cổng phía đông và đền thờ Uzza ở phía bắc.) Những đặc ân này là nền tảng tài sản của Đại Nhân, nên Baal hiểu rằng ông dĩ nhiên là tô tử của Lat. Mà khắp Jahilia ai cũng biết nhà trào phúng hết lòng sùng bái nữ thần. Thế ra ý của ông là thế! Run lên vì nhẹ nhõm, Baal vẫn phục mình, cảm ơn nữ thần hộ mạng của mình. Nữ thần nhìn xuống cậu với vẻ độ lượng, nhưng chẳng nên tin đáng vẻ của nữ thần. Baal đã phạm một sai lầm nghiêm trọng.

Đại Nhân bất ngờ đá vào chỗ quả thận của nhà thơ. Vừa cho rằng mình an toàn thì bị tấn công, Baal hét lên, lăn người đi. Abul Simbel vừa đi theo vừa tiếp tục đá. Có tiếng một cái xương sườn gãy. Đại Nhân nói, giọng nhỏ nhẹ hiền hòa: “Thằng oắt con, thứ ma cô dái nhỏ giọng thế. Người nghĩ rằng chủ nhân đền thờ Lat sẽ sinh tình bè bạn với người chỉ vì nhiệt tình trẻ nít của người dành cho bà sao?” Thêm những cái đá, nhịp nhàng, có phương pháp. Baal khóc dưới chân Abul Simbel. Nhà Đá Đen lúc ấy không vắng người, nhưng ai dám chen vào giữa Đại Nhân và cơn thịnh nộ của ông? Người hành hạ Baal đột ngột ngồi xổm xuống, túm tóc nhà thơ giật đầu cậu ngẩng lên và thì thầm vào tai cậu: “Này Baal, nữ chủ ta nói không phải bà đâu,” sau đó Baal bật ra một tiếng gào thương thân nghe ớn lạnh, vì cậu biết cuộc đời của cậu sắp kết thúc khi cậu vẫn còn nhiều thứ để thành đạt. Mối Đại Nhân phớt qua tai cậu, nói trong hơi thở: “Đồ hạ tiện, ta biết người làm tình với vợ ta. Ông nhận thấy, với vẻ thú vị, rằng dương vật của Baal đã cương cứng, một chứng tích mỉa mai cho cơn sợ hãi của cậu.

Abul Simbel, Đại Nhân bị cảm sùng, đứng lên và ra lệnh: “Đứng lên đi,” và Baal hoang mang theo chân ông ra ngoài.

Mộ của Ismail và bà mẹ người Ai Cập là Hagar nằm ở mặt tây bắc của Nhà Đá Đen, chung quanh có tường rào thấp. Abul Simbel tiến lại gần khu vực này, rồi dừng lại cách đó một chút. Trong khu tường rào là một nhóm

đàn ông. Phu khuân nước Khalid ở đó, cùng một thứ du thủ du thực đến từ Ba Tư có cái tên không thích hợp chút nào là Salman(16), và để hoàn tất bộ ba cận bã này là tên nô lệ Bilal mà Mahound đã trả tự do, một quái vật da đen khổng lồ có giọng nói cân xứng với thân hình. Ba kẻ nhàn rỗi đang ngồi trên bức tường rào. Abul Simbel nói: "Bọn hạ tiện này là mục tiêu của người. Viết về bọn chúng, và thủ lĩnh của bọn chúng nữa." Dù Baal đang khiếp sợ, cậu không dấu nổi vẻ sửng sốt: "Đại Nhân, *bọn ngu muội* đó — *mấy thằng* hề khốn kiếp đó? Ngài không cần lo lắng vì bọn chúng. Ngài nghĩ sao? Vị Thần duy nhất của Mahound sẽ khiến mấy đền thờ của ngài phá sản ư? Ba trăm sáu mươi chọi một, mà một lại thắng ư? Không thể nào." Cậu bật cười thành tiếng đến gần như cuồng loạn. Abul Simbel vẫn bình thản: "Để dành mấy câu nhục mạ cho thơ của cậu đi." Baal vẫn rúc rích cười không nín được: "Một cuộc cách mạng của phu khuân nước, dân nhập cư và nô lệ...chao ơi, Đại Nhân, ta sợ lắm lắm." Abul Simbel chăm chú nhìn nhà thơ đang cười cợt, rồi trả lời: "Đúng vậy, cậu nên lo sợ. Hãy viết đi, và ta muốn những vần thơ này là những tuyệt tác của cậu." Baal sụm người, rên rỉ: "Nhưng việc đó làm phí tài mọn của ta..." Cậu nhận ra mình đã quá lời. Những lời cuối cùng Abul Simbel nói với cậu là: "Cậu phải làm theo lời ta. Cậu không có lựa chọn nào khác."

oOo

Đại Nhân nằm ườn ẻo trong phòng ngủ để các hầu thiếp hầu hạ. Dầu dừa cho mái tóc đang thưa dần, rượu nho cho khẩu vị, lười cho lạc thú. *Thằng nhóc nói đúng. Tại sao ta lại sợ Mahound?* Ông bắt đầu nhẩm nha đếm số hầu thiếp, rồi dừng ở số mười lăm với một phát vỗ tay. *Thằng nhóc. Hiên nhiên Hind sẽ tiếp tục gặp gỡ thằng nhóc; nó làm sao cưỡng lại được ý bà chứ?* Ông biết yếu điểm của mình là nhìn thấy quá nhiều, chịu nhin quá nhiều. Ông có ham muốn của ông, tại sao bà không được có ham muốn của bà? Miễn là bà kín đáo, và miễn là ông biết. Ông phải biết; tri thức là ma túy, là nghiện ngập của ông. Ông không chịu được thứ ông không biết, và chỉ riêng lý do này thôi đã đủ biến Mahound thành kẻ thù của ông, Mahound cùng bọn đàn em nhếch nhác của hắn, thằng nhóc cười nhạt là đúng lắm. Đại Nhân không cười được dễ dàng thế. Cũng như địch thủ của mình, ông là người thận trọng, nhón chân rón rén bước. Ông nhớ đến anh chàng to con, tên nô lệ Bilal, cảnh tượng bên ngoài đền thờ Lat khi chủ của hắn bảo hắn đếm số thần thánh. Một, hắn trả lời với giọng ngân nga vang rền. Phỉ báng, tội đáng chết. Hắn bị đặt nằm dài ra ở chợ phiên với một hòn đá trên ngực. *Mày nói bao nhiêu thần thánh?* Một, hắn lập lại, một. Thêm hòn đá thứ nhì. *Một một một.* Mahound trả giá cao cho chủ hắn và trả tự do cho hắn.

Không, Abul Simbel suy ngẫm, thằng nhỏ Baal sai rồi, đáng bận tâm vì mấy người này lắm chứ. Tại sao ta sợ Mahound? Vì điều ấy: một một một, con số một đáng sợ của hắn. Trong khi ta luôn phân tâm, lúc nào cũng hai ba hoặc mười lăm. Thậm chí ta có thể hiểu quan điểm của hắn, hắn cũng giàu có thành công như chúng ta, như mọi hội đồng viên, nhưng vì hắn không đủ thân thế, bọn ta chưa cho hắn chỗ đứng trong nhóm. Bị bỏ

lỡ ngoài nhóm thương nhân chóp bu vì là trẻ mồ côi, hẳn cảm thấy bị gạt gẫm, chưa có phần lẽ ra phải có. Trước nay hẳn vẫn là người tham vọng. Tham vọng, nhưng cũng lẻ loi. Không ai đến đỉnh bằng cách trèo lên đồi một mình. Trừ phi, có lẽ người ấy gặp được một thiên thần ở đó...đúng thế, đúng là thế. Ta biết hẳn định giở trò gì rồi. Dù hẳn sẽ không hiểu được ta. *Ta là loại người nào?* Ta uốn mình, ta nghiêng ngả. Ta tính toán được thua, đón chiều gió, dùng mách khéo, cố sinh tồn. Đó là lý do ta không cáo buộc Hind tội ngoại tình. Hai chúng ta là một cặp xứng đôi, bằng và lứa. Huy hiệu của gia đình bà là con sư tử đỏ huyền thoại, con sư tử đầu người nhiều răng. Cứ để bà ấy chơi đùa với nhà trào phúng của bà; tình dục không hề là điều gán bó chúng ta. Ta sẽ kết liễu thẳng nhóc khi bà đã chán nó. Mơ màng sắp ngủ, Đại Nhân của Jahilia nghĩ: "Nói rằng ngòi bút sắc hơn lưỡi gươm là láo toét."

oOo

Vận mạng của thành Jahilia được xây trên sự tối thượng của cát so với nước. Lúc xưa người ta nghĩ vận chuyển hàng hóa qua sa mạc an toàn hơn qua biển, nơi những cơn mưa dầm có thể đến bất chợt. Lúc chưa có khoa khí tượng, không thể nào dự tính được những việc này. Vì thế những nhà trọ lữ hành làm ăn khấm khá. Hàng hóa thế giới đi từ Zafar đến Sheba, rồi đến Jahilia và ốc đảo Yathrib và tiếp tục đến Midian, chỗ Mose từng ở; rồi đến Aqabah và Ai Cập. Từ Jahilia những con đường khác bắt đầu: về phía đông và đông bắc đến Mesopotamia và đế quốc Ba Tư hùng mạnh. Đến Petra và Palmyra, nơi vua Solomon từng yêu Nữ hoàng Sheba. Đó là những ngày thịnh vượng. Nhưng giờ đây những đội thuyền dong buồm trên mặt nước chung quanh bán đảo đã chắc chắn hơn, thủy thủ đoàn của chúng giỏi tay nghề hơn, những dụng cụ hàng hải của chúng chính xác hơn. Những đoàn lạc đà đang mất việc vì tàu bè. Thuyền sa mạc và thuyền đại dương, cuộc cạnh tranh xưa cũ đã có thiên lệch trong cán cân quyền lực. Giới cai trị Jahilia đứng ngồi không yên, nhưng họ chẳng làm được gì mấy. Đôi khi Abul Simbel ngờ rằng những người hành hương chính là khả năng duy nhất giữ thành phố không bị suy tàn. Ban hội đồng tìm khắp thế giới những tượng thần ngoại quốc để thu hút những người hành hương mới đến thành phố cát, nhưng trong việc này họ cũng có đối thủ. Ở Sheba, một đền thờ lớn mới được xây, một ngôi đền cạnh tranh với Nhà Đá Đen. Nhiều người hành hương đã bị dụ dỗ đi về hướng nam, và số người đến chợ phiên Jahilia đang giảm xuống.

Theo đề nghị của Abul Simbel, giới cai trị Jahilia, ngoài những nghi thức tôn giáo, đã thêm những gia vị quyến rũ của dung tục. Thành phố đã nổi tiếng vì sự phóng đãng, là ổ cờ bạc, khu đi điếm, chỗ của những bài ca tục tĩu và tiếng nhạc ầm ĩ cuồng loạn. Có một lần vài người của tộc Cá Mập đã đi quá đà vì ham tiền của người hành hương. Những người gác cổng Nhà Đá Đen đã bắt đầu đòi tiền hối lộ của những lữ khách mỗi mét. Bốn người trong số ấy, bực tức vì chỉ nhận được chút ít, đã đẩy hai người lữ khách xuống những bậc thang cao và dốc khiến họ thiệt mạng. Việc này khiến khách hành hương không muốn trở lại lần nữa...Ngày nay, khách hành hương phái nữ thường bị bắt cóc đòi tiền chuộc, hoặc bán làm

tỳ thiếp. Những băng đảng Cá Mập tuần tra thành phố theo thứ luật lệ của riêng họ. Người ta nói Abul Simbel bí mật gặp đầu sỏ của những băng đảng này và cai quản cả bọn. Đây là thế giới nơi Mahound đem đến thông điệp của mình: một một một. Giữa sự dồi dào đa dạng, thông điệp ấy nghe như một lời nguy hiểm.

Đại Nhân ngồi dậy và lập tức những hầu thiếp đến gần để tiếp tục xoa dầu nắn bóp. Ông vẫy tay đuổi họ đi, rồi vỗ tay. Người hoạn nô bước vào. Abul Simbel ra lệnh: "Sai người đưa tin đến nhà của kahin(17) Mahound." *Chúng ta sẽ cho hẳn một thách đố nho nhỏ. Một cuộc thi đua công bằng: ba chọi một.*

oOo

Phu khuân nước người nhập cư nô lệ: ba đồ đệ của Mahound đang gội rửa ở giếng Zamzam. Ở thành phố cát, họ lại mê nước nên đâm ra quái lạ. Nghi thức gội rửa, lúc nào cũng là nghi thức gội rửa, từ hai bàn chân lên đến đầu gối, từ hai bàn tay đến khuỷu tay, từ đầu đến cổ. Thân mình khô ráo, tay chân ướt và đầu ẩm, họ trông lạ đời làm sao! Tóe nước, gội rửa, cầu nguyện. Họ quỳ gối, ấn cánh tay, ấn cẳng chân, ấn đầu vào lớp cát có mặt khắp nơi, rồi lại bắt đầu chu kỳ nước và cầu nguyện. Những việc này là cái đích dễ dàng cho ngòi bút của Baal. Tình yêu nước của họ là một thứ phản trắc; dân thành Jahilia chấp nhận sự toàn năng của cát. Cát nằm giữa những ngón chân ngón tay của họ, khô cứng trên mi trên tóc của họ, lấp kín lỗ chân lông của họ. Họ rộng mở chính mình ra với sa mạc: cát ơi, hãy đến đây tắm gội chúng ta trong sự khô khan. Đó là cách sống của người Jahilia từ những công dân cao quý nhất cho đến kẻ hạ tiện nhất. Họ là người của cát, thế mà đã có những người yêu nước chen vào giữa họ.

Baal lượn vòng xa xa quanh những người ấy – Bilal không phải là kẻ dễ trêu người – và la lớn những lời chế diễu: "Nếu những tư tưởng của Mahound có gì đáng kể, các người nghĩ xem tại sao chỉ có bọn rác rưởi như các người thích những tư tưởng ấy?" Salman mỉm cười ngăn Bilal lại: "Chúng ta phải lấy làm hân hạnh là Baal tài ba muốn công kích chúng ta," và Bilal bình tĩnh lại, dịu xuống. Phu khuân nước Khalid dễ giật mình, khi thấy bóng dáng nặng nề của ông chú Hamza của Mahound đang đến thì hẳn lo lắng chạy lại bên ông. Hamza đã sáu mươi tuổi nhưng vẫn là đấu thủ và thợ săn sư tử tầm tiếng nhất thành. Tuy rằng sự thật không huy hoàng như những lời tán dương: nhiều lần Hamza đã bị đánh bại, được cứu ra khỏi hàm sư tử, thoát nạn nhờ bạn bè hoặc vận may. Ông có tiền để chặn những thứ ấy không bị loan truyền. Tuổi tác, và sinh tồn, ban cho huyền thoại vũ sĩ một thứ đại loại như là sự phê chuẩn. Bilal và Salman bỏ quên Baal và chạy theo Khalid. Cả ba còn trẻ, hay hoảng sợ.

Hamza báo rằng Mahound vẫn chưa về nhà. Khalid lo âu: Đã nhiều giờ trôi qua rồi, tên khốn đang làm gì ngài ấy, tra tấn, bẻ ngón cái, quất roi? Một lần nữa, Salman là người bình tĩnh nhất, nói: Đó không phải là phương cách của Simbel. Chắc chắn phải là một thứ gian trá. Bilal gầm

lên với vẻ trung thành: Gian trá cũng mặc, ta tin ngài ấy, ta tin nhà Tiên Tri. Ngài sẽ không gục ngã. Hamza chỉ trách nhẹ: Bilal, ngài đã nói với người bao nhiêu lần rồi, rằng người phải dành lòng tin cho Thượng đế. Sứ Giả chỉ là người thôi. Sự căng thẳng của Khalid bùng ra: hấn sẵn đến trước mặt Hamza, hạch rằng, Phải chăng ông muốn nói là Sứ Giả yếu hèn? Dù ông là chú của ngài ấy...Hamza đắm vào thái dương tên phu khuân nước. Ông nói, chớ để Sứ Giả nhìn thấy người sợ, ngay cả khi người sợ muốn chết đi nữa.

Khi Mahound đến, bốn người lại đang gội rửa. Họ xúm lại quanh ông, hỏi đủ thứ. Hamza đứng lùi ra, gắt lên với giọng quân nhân: "Cháu à, không xong rồi. Khi cháu từ Coney xuống người cháu tỏa sáng. Hôm nay người cháu có cái gì đen tối."

Mahound tươi cười ngồi xuống thành giếng. "Họ muốn thỏa thuận với cháu." Khalid la lên: *Abu Simbel ư? Không thể nào. Không chịu.* Bilal trung thành trách hấn: Đừng lên giọng chỉ bảo với Sứ Giả. Dĩ nhiên là ngài ấy không chịu. Salman người Ba Tư hỏi: Thỏa thuận gì thế. Mahound lại mỉm cười. "Ít nhất thì cũng có một người trong các người muốn biết." Ông lại nói: "Chuyện nhỏ nhặt thôi. Như hạt cát. Abul Simbel xin Allah ban cho ông ấy một ân huệ nhỏ." Hamza nhận thấy ông mệt nhoài. Như thể ông mới phải vật lộn với ác quỷ. Tên phu khuân nước gào lên: "Không cho! Không cho gì cả!" Hamza bắt hấn câm miệng.

"Nếu Thượng Đế của chúng ta có thể nhủ lòng chịu chấp nhận — ông ta dùng mấy chữ *chịu chấp nhận* — là ba vị thần, chỉ ba vị trong số ba trăm sáu mươi thần thánh trong Nhà Đá Đen là đáng được tôn thờ..."

Bilal gào lên: "Chỉ có một Thượng Đế! Và các người khác hòa theo: "Ya(18) Allah!" Mahound ra vẻ tức giận. "Người tín mộ có chịu nghe lời Sứ Giả chẳng?" Tất cả im bặt, chân lê qua lết lại trong bụi cát.

"Ông ta xin Allah chuẩn thuận Lat, Uzza và Manat. Đổi lại, ông ta bảo đảm chúng ta sẽ được chấp nhận, thậm chí được chính thức công nhận, và để chúng tỏ điều ấy thì ta sẽ được bầu vào ban hội đồng của Jahilia. Đề nghị thỏa thuận là vậy đó."

Salman người Ba Tư nói: "Đó là cái bẫy. Nếu ngài đi lên Coney rồi đi xuống với Thông Điệp như thế, ông ta sẽ hỏi làm sao ngài khiến được Gibreel đưa ra thiên khải đúng y như ngài muốn?' Ông ta sẽ có thể gọi ngài là kẻ lừa đảo, thứ giả hiệu." Mahound lắc đầu: "Salman à, ta đã học được cách *lắng nghe*. Cách *lắng nghe* này không phải lắng nghe bình thường mà còn là là một cách cầu xin. Thường khi Gibreel đến thì dường như ngài đã biết tâm sự của ta. Phần nhiều thì ta cảm thấy như thể ngài đến từ trong tâm ta, từ những nơi sâu kín nhất của ta, từ trong linh hồn ta."

Salman khẳng khẳng: "Hoặc đó là một cái bẫy khác. Chúng ta đọc thuộc tín điều ngài mang đến đã bao lâu rồi? Chỉ có một Thượng Đế(19). Nếu giờ đây chúng ta buông bỏ điều ấy thì chúng ta là loại gì đây? Như thế

chúng ta sẽ bị suy yếu, trở thành lỗ bịch. Chúng ta sẽ không còn vẻ đáng gờm. Sẽ chẳng ai đếm xỉa đến chúng ta nữa."

Mahound cười lớn, thật sự thú vị. Ông nhẹ nhàng nói: "Chắc người sống ở đây chưa lâu. Người chưa nhận thấy sao? Người dân không đếm xỉa đến chúng ta. Khi ta diễn thuyết, số người nghe chưa bao giờ quá năm mươi, mà nửa số đó là du khách rồi. Người không đọc những bài châm biếm Baal ghim lên khắp thành sao? Mahound đọc lại:

*thưa Sứ Giả, xin hãy lắng nghe.  
Thuyết đờn ngành(20) của ngài,  
một một một,  
không hợp với Jahilia.*

*Xin gửi trả lại nghe*

Ông hét lên: "Họ chế diễu chúng ta khắp nơi, thế mà người lại nói chúng ta có vẻ đáng gờm."

Hamza trở nên lo lắng. "Ngài chưa từng màng đến ý kiến của họ. Tại sao bây giờ ngài lại quan tâm? Sau khi nói chuyện với Simbel?"

Mahound lắc đầu: "Đôi khi ta nghĩ ta phải giúp dân chúng để hiểu hơn."

Một sự im lặng ngọt ngào bao trùm mấy đồ đệ; họ nhìn nhau, đứng không yên chỗ. Mahound lại la lên: "Các người đều biết chuyện gì đã xảy ra bấy lâu nay. Chúng ta không thuyết phục được người dân cải đạo. Dân chúng không chịu bỏ thần thánh của họ. Nhất định là không." Ông đứng lên, sai bước đi, đến phía bên kia của giếng Zamzam gội rửa rồi quỳ gối cầu nguyện.

Bilal rầu rĩ nói: "Dân chúng chìm trong bóng tối. Nhưng họ sẽ nhìn ra. Họ sẽ nghe thấy. Chỉ có một Thượng Đế." Nỗi khổ tâm lây hết cả bốn người, thậm chí Hamza cũng nản lòng. Mahound bị lay động, và tín đồ của ông run rẩy.

Mahound đứng lên, cúi đầu, thở dài, rồi đi vòng qua nhập bọn với họ. Ông quàng một tay qua vai Bilal, tay kia qua vai ông chú, nói: "Tất cả nghe đây, đề nghị này đáng chú ý."

Khalid không được ôm, cay cú ngắt lời: "Một thỏa hiệp *đây cám dỗ*."

Những người khác ra vẻ kinh hoàng. Hamza nhẹ nhàng nói với tên phu khuân nước: "Khalid, chẳng phải mới rồi anh muốn đánh ta vì anh hiểu lầm rằng ta gọi Sứ Giả là con người tức là nói ngài yếu hèn? Giờ thì sao? Đến lượt ta đòi đánh anh chẳng?"

Mahound giải hòa. "Chúng ta cãi vả thì sẽ mất hết hy vọng." Ông tìm cách nâng cuộc thảo luận lên mức thần học. "Việc này không có nghĩa Allah chấp thuận ba vị thần này là bậc ngang hàng. Ngay cả Lat cũng không phải. Chỉ là họ được vị thế kém hơn, ở bậc trung."

Bilal bật lên: "Như ác quỷ."



Salman người Ba Tư hiểu ý: “Không phải. Như thiên sứ. Đại Nhân quá khôn ngoan.”

Mahound nói: “Thiên thần và ác quỷ. Shaitan(21) và Gibreel. Chúng ta đã chấp nhận sự hiện hữu của những vị này, ở giữa Thượng Đế và con người. Abul Simbel yêu cầu chúng ta thêm vào nhóm quan trọng này chỉ ba vị nữa thôi. Ông ta tỏ ý rằng chỉ thêm ba vị thôi là mọi linh hồn trong thành Jahilia sẽ thuộc về chúng ta.”

Salman hỏi: “Vậy các tượng sẽ bị dọn sạch ra khỏi Nhà Đá Đen?”

Mahound nói việc này không được nói rõ. Salman lắc đầu: “Chuyện này là để hủy hoại ngài.” Bilal thêm: “Không thể có bốn Thượng Đế.” Khalid gần muốn khóc: “Thưa Sứ giả, ngài nói gì thế? Lat, Manat, Uzza -cả ba là đàn bà! Hỡi ôi! Chẳng lẽ bây giờ chúng ta có nữ thần sao? Mấy con sếu, con diệc, mấy mù già đó?”

Khổ sở căng thẳng mọi mệt hằn sâu trên mặt nhà Tiên Tri. Hamza giơ hai tay ôm lấy khuôn mặt ấy, như một chiến sĩ nơi trận mạc an ủi đồng đội bị thương, và nói: “Cháu ạ, chúng tôi không giúp cháu được. Leo núi đi. Hỏi Gibreel đi.”

oOo

Ở Jahilia, họ chờ Mahound bên giếng nước. Phu khuân nước Khalid vẫn là người nôn nóng nhất, chạy ra cổng thành đứng ngóng. Hamza, như các chiến binh già quen cô độc, ngồi xõm trên mặt cát chơi với mấy viên sỏi. Không có gì gấp gáp; đôi khi Mahound đi vắng nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần. Hôm nay cả thành hầu như trống vắng; mọi người đã đổ về những căn lều lớn ở chợ phiên để nghe các nhà thơ tranh tài. Trong sự im ắng, chỉ có tiếng mấy viên sỏi của Hamza, và tiếng gù của mấy con chim bồ câu từ Núi Cone đến giếng. Rồi họ nghe tiếng chân chạy.

Khalid đến, thở dốc, mặt không vui. Sứ Giả đã về, nhưng không đến Zamzam. Lập tức tất cả đứng lên, bối rối vì hành động khác thường này. Những người cầm lá cọ và cành dương xỉ hỏi Hamza: Thế không có Thông điệp à? Nhưng Khalid, vẫn đang thở dốc, lắc đầu. “Tôi nghĩ là sẽ có. Ngài trông như lúc ngài nhận được Lời Truyền. Nhưng ngài không nói gì với tôi mà đi về phía chợ phiên.”

Để ngăn lời bàn tán, Hamza đi trước dẫn đầu. Các tín đồ – khoảng hai mươi người đã tụ họp – theo ông đến những ổ xác thối của thành phố, mang về mặt kính tẩm để tỏ lòng sùng tín. Chỉ riêng Hamza có vẻ hăm hở đến chợ phiên.

Bên ngoài những lều thuộc nhóm Chủ Nhân Lạc Đà Đốm, họ thấy Mahound đang đứng nhắm mắt, gồng mình chuẩn bị cho sự việc sắp đến. Họ hỏi những câu lo lắng, ông không trả lời. Sau một lúc, ông tiến vào lều thơ.

Trong lều, khán giả ồn lên chế diễu khi nhà Tiên Tri không được ưa thích và những tín đồ khốn khổ của ông tiến vào. Nhưng trong lúc Mahound bước về phía trước, mắt nhắm nghiền, tiếng la hò chế nhạo dần giảm vào im lặng. Mahound không hề mở mắt, nhưng những bước chân của ông vững vàng, đến sân khấu mà không bị va vấp. Ông leo vài bậc, tiến vào trong ánh sáng, mắt vẫn nhắm. Những nhà thơ có mặt, những người viết tán dương ám sát, những người kể chuyện bằng thơ và những nhà trào phúng – dĩ nhiên Baal cũng có mặt – chăm chú nhìn Mahound dường như đang mộng du với vẻ thích thú, nhưng cũng với chút bất an. Những tín đồ của ông chen lấy chỗ đứng trong đám đông. Những người sao chép tranh nhau đứng gần ông để ghi lại những lời ông nói.

Đại Nhân Abul Simbel tựa người lên những chiếc gối dài trên một tấm thảm lụa đặt cạnh sân khấu. Vợ ông là bà Hind ngồi bên ông, rạng rỡ với vòng cổ kiểu Ai Cập bằng vàng, bán diện nổi tiếng mang đường nét Hy Lạp và mái tóc đen dài suốt thân hình. Abul Simbel đứng dậy và gọi Mahound. "Xin chào mừng ngài." Ông hoàn toàn nhã nhặn. "Xin chào mừng ngài Mahound, nhà tiên tri, tu sĩ." Sự kính trọng được tuyên bố công khai khiến đám đông chú ý. Các tín đồ của nhà Tiên Tri không còn bị xô đẩy, mà được để đi qua. Kinh ngạc, và cũng có phần hài lòng, họ lên hàng đầu đám đông. Không mở mắt, Mahound nói, giọng rõ ràng.

"Đây là cuộc tụ họp của nhiều nhà thơ, mà ta thì không thể tự xưng là nhà thơ. Nhưng ta là Sứ Giả, và ta mang đến những vần thơ của Vị cao cả hơn mọi người ở đây."

Khán giả bắt đầu mất kiên nhẫn. Đạo giáo là của đền thờ, dân thành Jahilia cũng như khách hành hương đến đây tìm vui. Bắt hấn cam đi! Tổng hấn ra ngoài! – Nhưng Abul Simbel lại lên tiếng: "Nếu Thượng Đế của ngài thực đã nói với ngài, thì cả thế gian phải lắng nghe." Lập tức căn lều lớn im như tờ.

Những người sao chép khởi sự viết khi Mahound nói lớn: "*Ngôi Sao*  
"Nhân danh Allah, đấng Xót thương, đấng Khoan dung!

"Do chòm sao Thất Nữ vào lúc lặn đã chứng giám: Bạn người không lầm, mà cũng không lạc.

"Cũng không nói theo ước muốn của riêng mình. Đây là thiên khải đã được bộc lộ: một vị nhiều quyền năng đã chỉ bảo cho hấn.

"Ngài đứng trên chân trời cao: chúa tể sức mạnh. Rồi ngài đến gần, cách khoảng chiều dài hai cánh cung, và tiết lộ thiên khải cho tôi tớ của người.

"Kẻ tôi tớ thật lòng nhìn thấy điều hấn thấy. Thế thì các người có dám nghi ngờ điều hấn đã thấy không?

“Ta cũng nhìn thấy ngài ở bụi cây gai tận xa tít, gần Vườn Ngồi Nghỉ. Khi bụi gai bị bao phủ, ta không nhìn lảng đi, cũng không hề rời mắt, và ta thấy một số dấu tích cao cả nhất của Ngài.

Lúc này, không chút ngập ngừng hay lộ vẻ nghi ngại, ông đọc thuộc lòng hai đoạn thơ nữa.

“Ngài có nghĩ đến Lat và Uzza, và vị thứ ba là Manat chẳng?” – Sau đoạn thơ thứ nhất, Hind đứng dậy, còn Đại Nhân thành Jahilia sẵn đã đứng rất nghiêm chỉnh. Và Mahound, với đôi mắt nhắm, đọc: “Các vị ấy là những chim thiêng, và thực xứng đáng được nhận lời cầu nguyện.”

Trong lúc tiếng ồn ào – la ó, hò reo, bất bình, lời thét gào lòng tin mộ dành cho nữ thần Al-Lat – dâng lên và bùng tỏa trong lều, nhóm người tụ họp bên dưới vốn đã kinh ngạc lại nhìn thấy thêm hai cảnh tượng giật gân: Đại Nhân Abul Simbel lấy ngón cái che dái tai, xòe những ngón tay và lớn giọng nói: “Allahu Akbar(22).” Sau đó ông sụp người quỳ gối và từ tốn áp trán xuống mặt đất. Bà Hind vợ ông lập tức làm theo.

Phu khuân nước Khalid ở lại bên tấm che cửa lều qua suốt những sự kiện ấy. Lúc này hẩn hoảng hốt nhìn cảnh mọi người có mặt, đám đông trong lều lẫn những người đàn ông và đàn bà phải đứng ngoài vì lều đã chật, từng hàng một bắt đầu quỳ xuống, một chuyển động lan tỏa từ Hind và Đại Nhân như thể hai người là hai viên sỏi ném vào hồ nước, cho đến khi mọi người trong cũng như ngoài lều, ai cũng chống hông quỳ rạp trước nhà Tiên Tri mắt nhắm vừa công nhận những vị thần hộ mạng của Jahilia. Riêng Sứ Giả vẫn đứng, như thể không muốn thờ lạy theo đám đông. Tên phu khuân nước bật khóc, bỏ chạy đến trung tâm đang vắng vẻ của thành phố cát. Trong lúc hẩn chạy, những giọt lệ của hẩn cháy lỗ chỗ trên mặt đất như thể chúng chứa đựng một chất acid soi ruỗng mạnh nào đó.

Mahound vẫn bất động. Không thấy chút hơi ấm nào trên hàng mi che đôi mắt nhắm của ông.

oOo

Buổi tối ngày người thương nhân đạt được chiến thắng cô quạnh trong lều của những người thiếu lòng tin, có những vụ giết người mà đệ nhất phu nhân Jahilia phải đợi nhiều năm sau mới thực hiện được cuộc trả thù tàn khốc của bà.

Chú của nhà Tiên Tri là Hamza đang đi một mình về nhà, cúi gầm đầu tóc muối tiêu của ông sau chiến thắng u buồn ấy, khi ông nghe tiếng gầm và ngược lên nhìn. Ông thấy trên lỗ châu mai của tường thành một con sư tử đỏ rực khổng lồ đang chực chờ phóng xuống vồ lấy ông. Ông biết con quái thú này, truyền thuyết này. *Lớp lông đỏ rực óng ánh của nó lẫn vào vẻ lấp lánh của cát sa mạc. Mũi nó thở ra sự khủng khiếp của những nơi đơn độc trên trái đất. Nó phun ra dịch bệnh, tận diệt những đạo quân liều mình vào sa mạc.* Trong ánh sáng xanh dương cuối cùng của buổi chiều

tối, trong tay không có vũ khí, ông chuẩn bị cho cái chết, hét lên với con thú: "Súc sinh, sư tử đầu người, người nhày xuống đi. Ta đã từng tay không bóp chết nhiều sư tử cạp beo," Khi ta trẻ hơn. Khi ta còn trẻ. Có tiếng cười phía sau lưng ông, và tiếng cười vọng lại từ xa, hoặc dường như từ tường thành cao. Ông nhìn quanh, con sư tử đầu người đã biến mất khỏi tường thành. Bao quanh ông là một nhóm dân Jahilia ăn mặc sang trọng từ chợ phiên trở về đang cười rúc rích. "Mấy ông pháp sư này đã chịu thờ Lat, giờ thì nhìn đâu họ cũng sẽ thấy thêm thần thánh phải không hả?" Biết rằng buổi tối sẽ có nhiều điều đáng sợ, Hamza về nhà và gọi gia nhân mang đến cây kiếm trận của ông. Ông găm gươm với người hầu gầy gò đã phục vụ ông qua bốn mươi bốn năm thời chiến cũng như thời bình: "Không có gì làm ta bức bối việc phải nhận rằng kẻ địch của ta có lý. Ta vẫn nghĩ là giết mấy tên khốn kiếp ấy đi thì tốt hơn nhiều. Giải pháp đó là gọn ghẽ nhất." Thanh kiếm vẫn nằm yên trong vỏ da từ ngày cháu ông cải đạo cho ông, nhưng tối nay, ông nói riêng với người hầu "Con sư tử đã sống. Hòa bình sẽ phải đợi."

Đó là đêm cuối của lễ hội Ibrahim. Jahilia điên cuồng hội hóa trang. Những thân hình mập mạp tắm dầu của những tay đô vật đã quần quai xong và bày bài thơ đã được ghim lên tường Nhà Đá Đen. Lúc này những cô điếm ca hát thể chỗ những nhà thơ, và những cô điếm nhày múa, thân hình cũng tắm dầu, cũng đang làm việc; môn vật ban đêm thể chỗ môn vật ban ngày. Các cô điếm ca hát nhày múa với những mặt nạ mỏ chim màu vàng kim, màu vàng kim phản chiếu trong những đôi mắt sáng rực của khách làng chơi. Vàng, vàng khắp nơi, trong bàn tay của dân Jahilia trực lợi và khách hàng dâm dật của họ, trong những lò cát phừng lửa, trên những bức tường rực sáng của thành phố về đêm. Hamza đau đớn bước đi qua những đường phố vàng, qua những khách hành hương nằm mê mệt trong khi bọn móc túi kiếm ăn. Ông nghe giọng lè nhè say rượu qua mọi khung cửa viền vàng lấp lóe, và cảm thấy bài ca và giọng cười rú và tiếng tiền đồng leng keng khiến ông đau như những lời mạ lỵ chết người. Nhưng ông không tìm thấy thứ ông muốn tìm ở đây, nên ông đi xa dần cuộc ăn chơi sáng rỡ sắc vàng và bắt đầu rình rập những chiếc bóng, săn tìm bóng hình con sư tử.

Sau nhiều giờ tìm kiếm, ông tìm ra thứ ông biết đang đợi trong một góc tối của tường thành Jahilia, thứ ông đã nhìn thấy, con sư tử đỏ đầu người lông đỏ có ba hàng răng. Con sư tử đầu người có cặp mắt xanh dương, khuôn mặt tựa tựa con người, giọng nửa như tiếng kèn đồng nửa như tiếng sáo. Nó nhanh như gió, móng như vuốt xoắn và đuôi phóng ra những cái lông tấm độc. Nó thích ăn thịt người...một vụ ẩu đả đang diễn ra. Dao rít lên trong thỉnh lặng, lâu lâu có tiếng kim loại đập vào nhau. Hamza nhận ra những người bị tấn công: Khalid, Salman, Bilal. Lúc này Hamza cũng là một con sư tử, tuốt kiếm, găm nát sự thỉnh lặng, lấy hết sức đôi chân sáu mươi tuổi chạy nhanh đến phía trước. Những kẻ tấn công bè bạn của ông nấp sau những tấm mặt nạ, không rõ là ai.

Đêm ấy là đêm của mặt nạ. Bước đi trên đường phố Jahilia thác loạn, lòng ngập tràn chua cay, Hamza đã nhìn thấy đàn ông đàn bà giả dạng chim ưng, chó rừng, ngựa, sư tử đầu chim, kỳ nhông, heo rừng, cá sấu; hiện lên từ bóng tối mập mờ của những ngõ cụt là rắn hai đầu và bò rừng có cánh còn được gọi là sư tử có cánh của vương quốc Assyria. Đêm nay, đêm của ảo ảnh và nhục dục, thành phố đầy tà ma(23), trinh nữ(24), ác quỷ. Nhưng chỉ lúc này, ở chốn tăm tối này, ông mới thấy những mặt nạ màu đỏ ông đang tìm kiếm. Những mặt nạ sư tử đầu người: ông lao đến định mệnh của mình.

oOo

Ba tông đồ đã khởi sự uống rượu trong nỗi bất bình bất kể tính mạng, và vì không quen uống rượu nên chẳng bao lâu họ không chỉ say mà say đến dần độn. Họ đứng ở một quảng trường nhỏ và bắt đầu chửi bới người qua lại, và sau một lúc phu khuân nước Khalid khua túi da đựng nước của mình, khoe khoang rằng hẳn có thể phá hủy Jahilia, vì hẳn có vũ khí tối hậu. Nước: nó có thể gột rửa Jahilia dơ bẩn, cuốn sạch nó đi, để một sự khởi đầu mới có thể hình thành trên lớp cát trắng đã được gột sạch. Lúc ấy đám đàn ông đeo mặt nạ sư tử bắt đầu đuổi theo họ, và sau một lúc lâu họ bị dồn vào thế bí. Tỉnh hẳn rượu vì sợ hãi, họ trừng trừng nhìn những tấm mặt nạ đỏ của chết chóc khi Hamza đến vừa kịp lúc.

Hamza đến nơi là mọi việc kết thúc nhanh chóng. Hai kẻ tấn công đeo mặt nạ tẩu thoát, hai gục chết. Bilal, Khalid và Salman bị thương nhưng không nặng lắm. Nghiêm trọng hơn vết thương của họ là tin về hai người chết đeo mặt nạ sư tử. Hamza nhận ra họ: "Anh em của Hind. Giờ thì chúng ta sẽ tiêu tủng thật rồi."

Dũng sĩ giết sư tử đầu người, kẻ khủng bố nước, tín đồ của Mahound ngồi khóc trong bóng tối của tường thành.

oOo

Còn nhà Tiên Tri Sứ Giả Thương nhân: lúc này ông đã mở mắt. Ông đi qua đi lại trong sân nhà ông, nhà của vợ ông, nhưng không chịu đến với bà. Bà đã gần bảy mươi tuổi và gần đây cảm thấy mình giống người mẹ hơn là người vợ. Bà, người phụ nữ giàu có, trước đây rất lâu đã thuê ông quản lý đoàn lữ hành của bà. Tài quản lý là điều đầu tiên khiến bà ưa thích ông. Sau một thời gian, họ yêu nhau. Không dễ gì làm một người phụ nữ sắc sảo thành công ở một thành phố thờ nữ thần nhưng xem phụ nữ chỉ là món hàng. Đàn ông hoặc sợ bà, hoặc nghĩ bà mạnh mẽ quá không màng đến sự ân cần của họ. Ông đã không sợ, và cho bà cảm giác ổn định cần thiết, trong lúc ông, một kẻ mồ côi, tìm thấy nơi bà nhiều phụ nữ hợp thành một: mẹ chị tình nhân tiên tri(25) bè bạn. Khi ông nghĩ mình đã phát rồ, bà là người tin cảnh tượng ông nhìn thấy. Bà bảo ông: "Thiên thần đó, không phải trí óc ông lơ mờ đâu. Đó là Gibreel, còn ông là Sứ Giả của Thượng Đế."

Lúc này ông không thể, không muốn gặp bà. Bà nhìn ông qua cửa sổ mắt lưới bằng đá. Ông không thể ngừng bước, di chuyển quanh khu vườn trong chuỗi hình thù vô thức ngẫu nhiên, những bước chân ông vẽ những hình vòng cung, hình tứ giác, hình bình thoi, hình bầu dục, hình tròn. Trong lúc ấy, bà nhớ lại những lần ông trở về sau chuyến lữ hành với nhiều chuyện ông đã nghe ở những ốc đảo bên đường. Một nhà tiên tri không có cha tên là Isa có mẹ là Maryam đã được sinh ra dưới tàng một cây lá cọ trong sa mạc. Những câu chuyện khiến mắt ông ngời sáng, rồi chìm vào xa vắng. Bà nhớ lại tính dễ kích động của ông, sự nồng nhiệt khi ông biện luận, cả đêm cũng được, rằng thời du mục xưa tốt đẹp hơn thành phố vàng nơi người ta bỏ mặc con gái sơ sinh của họ trong hoang dã(26). Trong những bộ lạc ngày xưa, ngay cả trẻ mồ côi nghèo nhất cũng được chăm sóc. Ông nói Thượng đế ở trong sa mạc, không phải ở chỗ này, cái thứ bào thai non yếu. Rồi bà sẽ nói, mình ơi, đâu có ai cãi lại mình, nhưng khuya rồi, ngày mai còn phải tính sổ sách.

Bà có nhiều tai mắt, đã nghe được những lời ông nói về Lat, Uzza, Manat. Thì sao chứ? Lúc trước ông muốn bảo vệ những bé gái sơ sinh của Jahilia, thì tại sao ông không nên che chở các con gái của Allah? Nhưng sau khi tự hỏi mình câu hỏi này, bà lắc đầu và tựa người vào bức tường mát lạnh bên cạnh cửa sổ mắt lưới bằng đá. Trong lúc dưới kia chồng bà bước đi theo hình ngũ giác, hình bình hành, hình ngôi sao sáu đỉnh, và những hình thù không tên, trừu tượng và càng lúc càng rối rắm, như không thể tìm ra một đường nét đơn giản.

Tuy thế, một lúc sau khi bà nhìn ra vườn, ông đã đi khỏi.

o0o

Nhà Tiên Tri thức dậy giữa những lớp khăn trải bằng lụa, đầu nhức muốn nổ tung, trong một căn phòng ông chưa hề nhìn thấy. Ngoài cửa sổ mặt trời đã gần lên đúng đỉnh, và nổi lên trên màu trắng là một dáng người cao trong chiếc áo choàng đen, hát nho nhỏ với giọng trầm cứng cỏi. Bài hát là bài phụ nữ Jahilia đồng ca trong khi họ thúc dục đàn ông ra trận.

*Tiến tới, thì chúng em sẽ ôm lấy các anh  
ôm các anh, ôm các anh  
tiến tới, thì chúng em sẽ ôm lấy các anh  
và trải thảm mềm.*

*Quay lại thì chúng em sẽ bỏ các anh,  
bỏ các anh, mặc các anh,  
lui bước thì chúng em sẽ không yêu các anh nữa,  
không vào giường yêu đương.*

Ông nhận ra giọng của Hind, ngồi dậy, và thấy mình trần truồng dưới lớp khăn trải mượt mà. Ông gọi bà: "Ta bị tấn công chẳng?" Hind quay về phía ông, mỉm cười nụ cười của Hind. "Tấn công ư?" bà nhái lại, và vỗ tay gọi đem điểm tâm. Những người hầu tiến vào, bưng mang, bày thức ăn, dọn dẹp, lui ra. Mahound được hầu mặc áo choàng lụa màu đen và vàng;

Hind làm bộ nhìn lảng đi. Ông lại hỏi: “Cái đầu của ta, ta bị đánh chằng?” Bà đứng ở cửa sổ, đầu cúi thấp, vờ ra bộ một cô gái thẹn thù. Bà chế diễu: “Ồi, Sứ Giả ơi Sứ Giả. Sứ Giả vô tình làm sao. Chẳng lẽ ngài không thể đến phòng em trong khi tỉnh táo, theo ý muốn của riêng ngài? Dĩ nhiên là không, chắc hẳn em phải khiến ngài kinh tởm.” Ông nhất định không vào trò chơi với bà. “Ta là tù nhân chằng?” ông hỏi, và bà lại cười ông. “Đừng ngốc thế”. Rồi bà nhượng bộ: “Đêm qua ta đeo mặt nạ đi trong thành để xem hội lại gặp ông bất tỉnh nhân sự, Như thẳng say dưới rãnh cống. Ta gọi gia nhân mang kiệu đến đưa ông về nhà. Ông phải nói cảm ơn ta.”

“Cảm ơn.”

Bà nói: “Ta nghĩ không ai nhận ra ông. Nếu có thì không chừng ông đã mất mạng. Ông biết đêm qua tình cảnh trong thành như thế nào. Dân chúng vui chơi quá độ. Mấy anh em của ta vẫn chưa về nhà.”

Giờ thì ông nhớ lại những bước chân lang thang khổ sở của mình trong thành phố trụy lạc, nhìn không rời mắt những linh hồn lẽ ra ông phải cứu rồi, những hình nộm chim phượng, mặt nạ quý, hà mã, ngựa có cánh đầu ưng. Sự mỏi mệt của một ngày dài khi ông leo xuống Núi Cone rồi vào thành, rồi trải qua những sự việc căng thẳng trong lều thơ – và sau đó, cơn giận dữ của các tín đồ, mối nghi ngại – tất cả khiến ông choáng ngợp. Ông nhớ lại: “Ta bị ngất.”

Bà đến ngồi gần ông trên giường, lùa một ngón tay vào khe hở áo choàng của ông vuốt ve ngực ông. Bà thủ thỉ: “Bị ngất đi. Đó là sự yếu đuối. Phải chằng ông đang trở nên yếu đuối?”

Trước khi ông kịp trả lời, bà để ngón tay ve vuốt lên môi ông. “Đừng nói gì cả. Ta là vợ của Đại Nhân, cả hai chúng ta không phải bạn bè của ông. Tuy nhiên, chồng ta là người yếu nhược. Ở Jahilia người ta nghĩ ông ấy thủ đoạn, nhưng ta biết không phải thế. Ông ấy biết ta có tình nhân nhưng không phản ứng, vì các đền thờ do gia đình ta chăm lo. Đền thờ Lat, đền thờ Uzza, đền thờ Manat. Đền thờ – hay ta nên nói là mosque(27)? – của các thiên sứ mới của ông.” Bà mời ông những miếng dưa hấu cắt hình vuông trên đĩa, muốn dùng tay dứt cho ông. Ông không chịu để bà dứt, tự mình giơ tay lấy dưa hấu ăn. Bà tiếp tục: “Nhân tình mới đây nhất của ta là cậu nhóc Baal.” Bà nhìn thấy cơn giận trên gương mặt ông. Về hài lòng, bà nói: “Phải, ta nghe rằng cậu ta làm ông bức tức. Nhưng cậu ta chẳng là cái quái gì. Cậu ta cũng như Abul Simbel không phải là người ngang hàng với ông. Nhưng ta ngang hàng với ông.”

Ông nói: “Ta phải đi.” “Không lâu nữa đâu,” bà vừa trả lời vừa quay lại về phía cửa sổ. Ngoài thành người ta đang thu dọn lều, những hàng dài lạc đà đang chuẩn bị khởi hành, những đoàn xe đã bắt đầu xuyên ngang sa mạc; lễ hội đã chấm dứt. Bà lại quay về phía ông.

"Ta ngang hàng với ông," bà lập lại, "mà cũng là đối nghịch của ông. Ta không muốn ông trở nên yếu nhược. Lẽ ra ông không nên làm điều ông đã làm."

Mahound cay đắng trả lời: "Nhưng bà sẽ được lợi. Giờ thì thu nhập từ các đền thờ của bà sẽ không bị đe dọa."

"Ông chưa hiểu đúng vấn đề." bà nhẹ nhàng nói trong lúc đến gần ông, kề mặt sát gần mặt ông. "Nếu ông thờ Allah, thì ta thờ Al-Lat. Bà không tin Thượng Đế của ông khi ông ấy công nhận bà. Bà toàn tâm chống đối ông ấy, không dời đổi, không lui bước. Cuộc đấu giữa chúng ta không thể có ngừng chiến. Mà lại kiểu ngừng chiến như thế! Chúa của ông kẻ cả và trịch thượng. Al-Lat không hề muốn làm con gái của ông ấy. Bà ngang hàng với ông ta, cũng như ta ngang hàng với ông. Cứ hỏi Baal thì rõ: cậu ấy biết bà. Cũng như cậu ấy biết ta."

Mahound nói: "Vậy là Đại Nhân sẽ không giữ lời hứa."

Hind nói, vẻ miệt thị: "Ai biết được? Chính ông ta cũng không biết nữa là. Ông ta phải cân đong đo đếm đã. Yếu nhược, như ta đã nói với ông. Nhưng ông biết ta đang nói thực. Không thể có hòa bình giữa Allah và Tam Vị. Ta không muốn thế. Ta muốn chiến đấu. Chiến đấu đến chết; ta là người như thế. Còn ông thì sao?"

Mahound nói: "Bà là cát và ta là nước. Nước cuốn cát trôi đi."

Hind trả lời: "Sa mạc thấm cạn nước. Ông nhìn chung quanh mà xem."

Không bao lâu sau khi ông rời khỏi, những người bị thương gom góp can đảm đến lâu đài của Đại Nhân báo cho Hind biết lão Hamza đã giết các anh em của bà. Nhưng lúc đó không thấy Sứ Giả đâu cả. Ông đang, một lần nữa, lần bước đến Núi Cone.

oOo

Trong một hang động hơn một trăm năm mươi mét bên dưới đỉnh Núi Cone, Mahound vật lộn với thiên sứ, xô đẩy thiên sứ qua lại. Ông và thiên sứ lẫn lộn đá đập cào cào, Mahound bị trầy xước nhiều nhưng thiên sứ không hề hấn. Thiên sứ không thể bị xước trong bụi gai hay bầm dập vì đá cứng. Họ có khán giả, tà linh(28) và ác quỷ(29) và đủ thứ ma mãnh(30) ngồi trên các hòn đá xem cuộc đấu, trên trời có ba hình thù có cánh, tùy theo ánh sáng có thể trông như con diệc, con thiên nga hoặc phụ nữ...Mahound kết thúc cuộc đấu. Ông giả vờ thua.

Sau khi họ vật lộn nhiều giờ hoặc thậm chí nhiều tuần, Mahound bị thiên thần đè xuống đất. Ông muốn như thế, chính ý chí của ông đã cho thiên sứ sức mạnh để đè ông xuống, vì chẳng lẽ nào thiên sứ lại bị thua, việc ấy không ổn, chỉ có quỷ sứ mới bị thua trong hoàn cảnh như thế, vì vậy lúc thiên sứ đè lên người ông, Mahound hoan hỉ bật khóc và gỡ mảnh khóc



thường lệ, buộc thiên sứ mở miệng và khiến thiên sứ ọe ra giọng nói, Tiếng Nói, trào xuống người ông như một cơn nôn mưa.

oOo

Sau cuộc vật lộn với Thiên Sứ Gibreel, Tiên Tri Mahound chìm vào giấc ngủ mỗi mệt, như lệ thường sau khi nghe được lời thiên khải, nhưng lần này ông hồi phục nhanh hơn. Khi ông tỉnh lại ở vùng hoang dã trên cao, không có sinh vật có cánh nào đang co mình ngồi trên mấy hòn đá, và ông nhảy dựng lên, nôn nao với thông tin bức thiết của mình. "Là Quỷ(31)," ông nói to vào không gian trống vắng, cho nó tiếng nói để biến nó thành sự thật. "Lần trước là Shaitan đến." Đây là điều ông *nghe thấy* trong lúc *lắng nghe*, rằng ông đã bị lừa, rằng Quỷ đã giả dạng thiên sứ đến tìm ông, thế nên những vần thơ ông học thuộc, những vần thơ ông đọc lại trong lễu thơ, không phải là thiên khải mà ngược lại là lời yêu ma, không phải lời thần thánh, mà là lời ma quỷ. Ông lập tức trở về thành để xóa bỏ bốn đoạn thơ sắc mùi địa ngục và lưu huỳnh, muôn thuở gạt chúng ra ngoài sách vở, như thế chúng sẽ chỉ còn tồn tại trong một hoặc hai sưu tập chuyện xưa không đáng tin cậy, và những người diễn dịch chính thống sẽ tìm cách xóa bỏ chúng. "Lần trước là Quỷ," Mahound lẩm bẩm trong khi vội vã về Jahilia. "Nhưng lần này chính là thiên sứ, không ngờ chi nữa. Ngài vật ta nằm dài dưới đất luôn."

oOo

Các tông đồ chặn ông ở khe núi gần chân Núi Cone để báo cho ông biết cơn cuồng nộ của Hind, lúc ấy đang mặc áo tang trắng và để mái tóc đen xoắn xuống phất phới quanh bà như một cơn bão, hoặc lết thết trong cát bụi, xóa đi dấu chân bà khiến bà dường như chính là hiện thân của ý chí báo thù. Tất cả bọn họ đã chạy trốn khỏi thành, và Hamza cũng đang ẩn mặt, nhưng nghe đâu Abul Simbel vẫn chưa nhượng bộ lời cầu khẩn của vợ xin lấy máu rửa máu. Ông còn đang cân đong đo đếm việc Mahound và ba nữ thần...Mahound không nghe lời khuyên của các tông đồ, về Jahilia, thẳng đến Nhà Đá Đen. Dù sợ hãi, các tông đồ cũng đi theo ông. Một đám đông tụ lại, hy vọng có thêm chuyện rùm beng hoặc chặt chém hoặc một trò vui đại loại. Mahound không khiến họ thất vọng.

Ông đứng trước tượng của Tam Vị và loan báo hủy bỏ mấy đoạn thơ Shaitan đã rủ rỉ vào tai ông. Mấy đoạn thơ này sẽ bị gạt ra ngoài bản sao lời đọc chân chính là *al-qur'an*(32). Những đoạn thơ mới ầm ầm đến thế chỗ.

Mahound đọc: "Ngài sẽ có con gái và người có con trai? Phân chia như thế quả là hay!

"Đây chỉ là những cái tên do người nằm mơ thấy, người và cha ông của người. Allah không ban cho những cái tên ấy bất cứ quyền uy nào."

Ông rời đám đông sừng sốt ở Nhà Đá Đen trước khi có người nghĩ đến việc nhặt, hoặc ném, hòn đá đầu tiên.

o0o

Sau khi chối bỏ những đoạn thơ Quý(33), Tiên Tri Mahound về nhà và thấy một kiểu trừng phạt đã chờ sẵn. Một thứ báo thù – của ai? Sáng hay tối? Người thiện hay kẻ ác? – như thường xảy ra, đã giáng xuống người vô tội. Vợ của Tiên Tri, bảy mươi tuổi, ngồi bên khung cửa sổ mắt lưới bằng đá, người ngay ngắn dựa lưng vào vách tường, đã chết.

Trong nỗi khốn khổ của mình, Mahound không gặp ai, hầu như không nói năng gì trong nhiều tuần lễ. Đại Nhân Jahilia lập ra một chính sách khủng bố mà Hind cho là tiến triển quá chậm chạp. Tên của tôn giáo mới là *Phục Tông*(34); giờ đây Abul Simbel ra lệnh rằng những người theo đạo này phải phục lệnh bị cô lập trong khu vực tồi tàn, khốn khổ nhất của thành; phục lệnh giờ giới nghiêm; phục lệnh cấm làm việc. Và còn những vụ bạo hành, phụ nữ bị phi nhổ trong các tiệm, tín đồ bị xô đẩy bởi những đám thanh niên du đảng do Đại Nhân bí mật sai bảo, ban đêm những người đang ngủ say bị ném lửa qua cửa sổ. Thế nhưng, theo một nghịch lý quen thuộc của lịch sử, số tín đồ tăng lên nhiều lần, như vụ mùa tăng trưởng một cách thần kỳ trong khi tình trạng đất đai và khí hậu càng lúc càng tệ. Người dân của khu định cư ốc đảo Yathrib gửi lời mời đến phía bắc: Yathrib sẽ cư mang những người-phục-tông nếu họ muốn rời Jahilia. Hamza cho rằng họ phải đi. "Tin chú đi, cháu sẽ không bao giờ hoàn tất được Thông Điệp của mình ở nơi đây. Bà Hind phải rút được lưỡi cháu, chưa kể đến, xin lỗi cháu, hai hòn dái của chú, thì bà ta mới hài lòng." Lê loi và ngập tràn những âm vang trong căn nhà tang tóc của mình, Mahound đồng ý, và những tín đồ lui về sửa soạn. Phu khuân nước Khalid nán lại, và nhà Tiên Tri, hai mắt hõm sâu, đợi hẵn lên tiếng. Hẳn lúng túng nói: "Thưa Sứ Giả, tôi đã nghi ngờ ngài. Nhưng ngài khôn ngoan hơn chúng tôi nghĩ. Thoạt tiên chúng tôi nói, Mahound sẽ không thỏa hiệp, rồi thì ngài thỏa hiệp. Sau đó chúng tôi nói, Mahound đã phản bội chúng ta, nhưng ngài lại mang đến cho chúng tôi một sự thật sâu sắc hơn. Ngài mang đến cho chúng tôi chính bản thân Quý, để chúng tôi được chứng kiến thủ đoạn của Kẻ Ác, được nhìn thấy Kẻ Ác bị Lẽ Phải lật đổ. Ngài đã khiến niềm tin của chúng tôi dồi dào hơn. Tôi xin tạ lỗi về những ý nghĩ của mình trước kia."

Mahound bước ra ngoài tia nắng đang xuyên qua cửa sổ. "Phải." Cay đắng, điều cốt. "Ta đã làm một việc rất tuyệt. Sự thật sâu sắc hơn. Mang Quý đến cho các người. Phải, nghe giống phong cách của ta đó."

o0o

Trong những nhóm nhỏ, gần như đi tay không, các tín đồ đi qua vương quốc của mặt trời, vào ngày đầu tiên của năm đầu tiên tại khởi điểm mới của Thời Gian.

## Chú thích

(0) Tác giả dùng nhiều ngôn ngữ khác nhau cho một số khái niệm và tên nhân vật trùng lặp trong nhiều tôn giáo và văn hóa. Chú thích trong bản dịch này sẽ phần lớn dùng phiên bản tiếng Anh. Tuy thế, những tên phiên âm từ tiếng Ả Rập có thể có nhiều phiên bản tiếng Anh khác nhau

(1) Muhammad, có nghĩa được ca ngợi, được khen thưởng

(2) Có lẽ là Muhammad đọc trại đi để chế diễu

(3) Người ngoại quốc

(4) Nguyên tác: Whig

(5) Nguyên tác: Tory

(6) Vùng đất phía Tây Saudi Arabia bao gồm Mecca

(7) Jahilia có nguồn gốc là chữ jahala trong tiếng Ả Rập có nghĩa "ngu muội". Jahilia là từ chung cho vùng Ả Rập trong thời kỳ trước Hồi giáo, khi người dân thờ phụng nhiều thần khác nhau. Xét riêng theo bối cảnh lịch sử Hồi giáo, Jahilia có lẽ là Mecca.

(8) Phu khuân nước

(9) Có giả thuyết cho rằng Qureishi (hoặc Qurayshi), tên bộ tộc của Muhammad, là một dạng của từ qirsh, có nghĩa là "cá mập"

(10) Nguyên tác: What kind of idea are you?

(11) Monophysite

(12) Bài thơ hát: thơ có kèm nhạc đệm

(13) Baal: một vị thần nguyên thủy của vùng Trung Đông, được xem là "vua của các thần" nhưng sau này bị chống báng trong Thánh Kinh đến mức bị cho là ngang hàng với ác quỷ

(14) Cũng là Abel

(15) Cũng là Cain

(16) Chữ Ả Rập có nghĩa là "an toàn"

(17) Chữ Ả Rập có nghĩa là "tu sĩ"

(18) Một từ thưa gửi khi nói chuyện trong ngôn ngữ Ả Rập

(19) La Ilaha Ila Allah (Ả Rập), there is no god but God

(20) Nguyên tác: Monophilia

(21) Nguyên tác: Satan

- (22) Ngôn ngữ Ả Rập: Thượng Đế cao cả hơn
- (23) Nguyên tác: Djinn
- (24) Nguyên tác: Hourī
- (25) Nguyên tác: Sibyl
- (26) Việc trẻ sơ sinh bị bỏ rơi, khá thông thường trong nhiều xã hội thời xưa.
- (27) Nghĩa là nơi thờ phượng. Bắt nguồn từ chữ Ả Rập *aslama* có nghĩa phục tùng. Hiện nay dùng để chỉ riêng đền thờ Hồi giáo.
- (28) Nguyên tác: Djinn
- (29) Nguyên tác: Afreet
- (30) Nguyên tác: spook
- (31) Nguyên tác: Devil
- (32) Al-qur'an, hoặc Quran, hoặc Koran: Kinh Hồi giáo
- (33) Nguyên bản: Satan
- (34) Islam là chữ Ả Rập có nghĩa "phục tùng" (submission)

#### **CHƯƠNG 4 – AYESHA (trích đoạn)**

Vào buổi sáng định mệnh của ngày sinh nhật thứ bốn mươi của địa chủ(1) Mirza Saeed Akhtar, trong một căn phòng đầy bướm, anh ngắm người vợ đang ngủ của mình, cảm thấy trái tim tràn ứ tình yêu đến mức gần vỡ tung. Khác với lệ thường, hôm nay anh tỉnh dậy sớm, trước khi bình minh đến, vì một cơn ác mộng khiến miệng anh đắng chát, cơn mơ anh thường mơ thấy về ngày tận thế, trong mơ thế nào anh cũng là người gây họa. Tối hôm trước anh đã đọc sách của Nietzsche – “kết cuộc ác nghiệt của sinh vật nhỏ bé vượt quá sức mình có tên Con Người” – và ngủ thiếp đi với cuốn sách úp trên ngực. Bước đi trong tiếng cánh bướm lao xao trong phòng ngủ tối mờ mát dịu, anh giận mình đã đại dột chọn đọc cuốn sách ấy trước khi ngủ. Tuy nhiên, giờ thì anh đã tỉnh ngủ hẳn. Nhẹ nhàng trở dậy, anh luồn chân vào đôi dép(2) và chậm rãi đi dọc theo hàng hiên vẫn còn tối của dinh thự vì màn sáo chưa được cuộn lên, những con bướm chập chờn sau lưng anh như những cận thần. Xa xa, ai đó đang thổi sáo. Mirza Saeed kéo màn sáo lên và cột dây. Khu vườn chìm trong làn sương dày, xuyên qua làn sương ấy là những đám mây bướm uốn lượn, làn sương này cắt ngang làn sương kia. Từ trước đến nay, vùng đất hẻo lánh này vẫn nổi tiếng nhờ bướm, những đàn bướm kỳ diệu phủ kín không gian cả ngày lẫn đêm, bướm có tài chuyển sắc, đôi cánh biến màu khi đậu xuống hoa đỏ, màn cửa vàng cam, ly đá đen lánh(3) hoặc nhẵn hổ phách. Trong dinh thự của ông địa chủ, và trong ngôi làng kế bên, phép lạ bướm đã trở thành quen thuộc đến nỗi dường như tầm thường, nhưng thực ra, theo trí nhớ của các bà giúp việc, bướm chỉ mới trở lại vùng này mười chín năm trước. Bướm là linh thú(4), hoặc theo truyền thuyết là linh thú của một vị thánh địa phương, vị nữ thánh chỉ được biết với tên gọi Bibiji(5) đã sống thọ hai trăm bốn mươi hai tuổi và mộ phần của bà, cho đến khi không còn ai nhớ nó nằm ở đâu,

có thể chữa bệnh bất lực của đàn ông và mụn nhọt. Từ một trăm hai mươi năm trước khi Bibiji qua đời, bướm như chính Bibiji đã biến mất vào cùng cõi huyền thoại, thế nên khi chúng trở lại đúng một trăm lẻ một năm sau, thoạt tiên đó dường như là điềm báo rằng một việc tuyệt diệu sắp xảy ra. Phải nói ngay là sau cái chết của Bibiji, ngôi làng vẫn tiếp tục thịnh vượng, khoai tây vẫn được mùa, nhưng nhiều tâm hồn mang một khoảng trống, cho dù dân làng hiện nay không có ký ức nào về vị thánh xưa kia. Vì thế việc bướm trở lại khiến nhiều người phấn khởi, nhưng khi những điều tuyệt vời họ chờ đợi không xảy ra, dân địa phương dần chìm lại vào sự thiếu thốn của cuộc sống hàng ngày. Cái tên *Peristan*(6) của dinh thự của ông chủ đất có thể đã bắt nguồn từ đôi cánh thần tiên của những tạo vật kỳ diệu, và tên *Titlipur*(7) của làng thì chắc chắn đã bắt nguồn từ đó. Nhưng những cái tên, một khi đã dùng thường xuyên, nhanh chóng chỉ còn là những âm thanh, và ý nghĩa nguyên thủy của chúng, như rất nhiều điều phi thường của trái đất, đã bị vùi sâu dưới lớp bụi thói quen. Những người dân của Titlipur và đàn bướm của họ sống hòa trộn trong một sự khinh khỉnh tương quan. Dân làng và gia đình chủ đất đã từ lâu không còn tìm cách ngăn bướm vào nhà họ, thế nên giờ đây mỗi khi có một cái rương mở nắp, một đám bướm sẽ bay ra như những tiểu yêu của Pandora, vừa bay lên vừa chuyển sắc; có bướm dưới bàn cầu tiêu đậy nắp ở Peristan, trong mọi tủ áo, giữa những trang sách. Khi ngủ dậy người ta thấy bướm đậu trên má mình.

Việc thường tình dần dà thành vô hình, và Mirza Saeed đã không chú ý đến bướm từ nhiều năm nay. Tuy nhiên, vào buổi sáng ngày sinh nhật bốn mươi tuổi của anh, khi ánh bình minh đầu tiên chạm đến căn nhà và những con bướm lập tức ngời sáng, vẻ đẹp của khoảnh khắc ấy khiến anh choáng ngợp. Anh chạy ngay đến phòng ngủ bên chái nữ(8), nơi vợ anh là Mishal đang ngủ trong khung màn che muỗi. Những con bướm kỳ diệu đang đậu trên những ngón chân trần của cô, và rõ là một con muỗi cũng đã tìm được lối vào, vì có một hàng vết cắn nho nhỏ dọc theo đường xương cổ nhô lên của cô. Anh muốn nhắc tấm màn, chui vào và hôn những vết cắn cho đến khi chúng mờ đi. Trông chúng tấy lên kìa! Khi cô thức dậy chúng sẽ ngứa lắm đây! Nhưng anh kèm mình lại, muốn chiêm ngưỡng vẻ ngây thơ trong

dáng nằm ngủ của cô. Tóc cô mềm, màu nâu đỏ, da cô rất trắng, đôi mắt cô màu xám mượt mà sau hàng mi nhắm. Cha cô là giám đốc ngân hàng nhà nước, vì thế cô đã là mối lương duyên khó cưỡng, cuộc hôn nhân mai mối đã phục hồi gia sản của dòng họ Mirza cổ xưa đang lụn tàn, rồi chín muồi qua năm tháng thành một kết hợp yêu đương chân thật, dù họ không thể có con. Tràn đầy cảm xúc, Mirza Saeed ngắm Mishal ngủ và đuổi đi mảnh vụn cuối cùng của cơn ác mộng khỏi tâm trí. Anh mẫn nguyện lý luận với chính mình: "Làm sao có tận thế, khi vẫn còn những điều toàn hảo như buổi sáng đáng yêu này?"

Tiếp tục dòng tư tưởng hạnh phúc, anh hình thành những lời thỉnh lặng với người vợ đang ngủ: "Mishal, anh bốn mươi tuổi và mẫn nguyện như đứa trẻ bốn mươi ngày. Anh nhận ra là qua năm tháng anh đã càng lúc càng đắm sâu hơn vào tình yêu của chúng ta, giờ đây anh như con cá bơi trong biển cả ấm áp đó." Anh ngạc nhiên là cô đã cho anh nhiều đến thế, anh cần cô đến thế! Cuộc hôn nhân của họ không chỉ là nhục dục, mà thân mật đến mức việc cách xa nhau là không tưởng tượng được. Anh nói với cô trong khi cô ngủ: "Sống đến già bên cạnh em sẽ là một đặc ân." Anh tự cho phép một cử chỉ ủy mị là hôn gió về phía cô rồi nhón gót ra khỏi phòng. Trở ra lại hàng hiên chính của phòng riêng trên lầu của dinh thự, anh nhìn khắp khu vườn đang dần hiện hình khi bình minh xua đi làn sương, và nhìn thấy cảnh tượng sẽ mãi mãi phá hủy sự bình tâm của anh, đập nó tan tành đến vô phương cứu vãn đúng vào giây phút anh chắc chắn nó sẽ không bị hề hấn vì những tàn phá của định mệnh.

Một cô gái trẻ đang ngồi xõm trên bãi cỏ, giơ bàn tay trái ra. Bướm đậu trên lòng bàn tay ấy trong lúc bàn tay phải của cô nhặt chúng bỏ vào miệng. Từ tốn, đều đặn, cô ăn điểm tâm là những đôi cánh thuận tình.

Môi má và cằm cô dính nhiều màu giầy ra từ những con bướm sắp chết. Khi Mirza Saeed Akhtar nhìn thấy cô gái ăn bữa điểm tâm mỏng mảnh trên bãi cỏ nhà anh, anh cảm thấy một nỗi thèm muốn nổi lên mạnh mẽ đến nỗi anh lập tức thấy hổ thẹn. Anh tự mắng mình: "Không thể nào. Rốt lại thì mình đâu phải loài thú." Cô gái trẻ chỉ mặc một chiếc áo sari màu vàng

nghe quẩn quanh thân thể, theo kiểu ăn mặc của những phụ nữ nhà nghèo trong vùng, và khi cô cúi xuống những con bướm, chiếc áo sari trễ ra để lộ đôi gò ngực nhỏ trước cái nhìn sững của ông địa chủ. Mirza Saeed giơ tay nắm chặt tay vịn ban công. Có lẽ cô thoáng thấy bộ kurta màu trắng của anh lay động, vì cô vụt ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào mặt anh.

Cô không nhìn xuống ngay. Cũng không đứng lên bỏ chạy, như anh phần nào dự đoán.

Cô làm thế này: đợi vài giây như để xem anh có định nói gì không. Khi anh không nói gì, cô tiếp tục bữa ăn lạ lùng của mình, vẫn không rời mắt khỏi khuôn mặt anh. Điều kỳ lạ nhất là lũ bướm dường như lượn bay xuống từ trên không gian đang dần sáng, vui lòng đến lòng bàn tay giơ ra của cô và cái chết của chúng. Cô nắm phần đuôi nhọn trên hai cánh của chúng, ngửa đầu ra phía sau, và chót lưỡi nhỏ của cô hất chúng vào miệng mình. Có lúc cô không khép miệng, đôi môi thắm màu hé ra thách thức, và Mirza run lên khi thấy lũ bướm chập chờn trong cái hang tối sẽ là nơi chúng chết đi, nhưng chúng lại không hề tìm cách thoát ra. Khi cô đã biết chắc anh đã nhìn thấy cảnh tượng này, cô khép môi lại và bắt đầu nhai. Họ cứ như thế, cô gái què bên dưới, địa chủ phía trên, cho đến khi mắt cô bỗng trợn lên và cô ngã xuống cái bịch, người nằm nghiêng bên trái, co giật dữ dội.

Sau vài giây sững sốt quýnh quáng, Mirza hét lên: "Này, cả nhà dậy đi, có việc gấp!" Cùng lúc, anh chạy về phía cầu thang đường bê bằng gỗ dái ngựa đã được mang từ nước Anh đến, từ chốn Warwickshire khó hình dung, chốn kỳ ảo nơi Vua Charles Đệ Nhất đã từng đi lên chính những bậc thang này trong một tu viện tối tăm ẩm ướt trước khi bị chém đầu vào thế kỷ thứ mười bảy của một hệ thống thời gian khác. Lao xuống những bậc thang này là Mirza Saeed Akhtar, người cuối cùng của dòng họ mình, dẫm bừa lên dấu vết đôi chân của một hồn ma bị chặt đầu trong lúc anh chạy vội ra sân cỏ.

Cô gái đang bị co giật, nghiêng nát bướm dưới thân hình lặn lộn đá đập của cô. Mirza Saeed đến bên cô trước, tuy rằng gia nhân và Mishal thức tỉnh vì nghe tiếng hét của anh đang ở phía sau không xa lắm. Anh nắm lấy cằm cô gái, cạy nó mở ra, đút vào một cành cây nhỏ gần bên, và cô lập tức cắn



cành cây gãy đôi. Miệng cô bị cắt rỉ máu, và anh e rằng cô sẽ cắn lưỡi, nhưng ngay lúc ấy cô hết co giật, êm lại, và ngủ. Mishal sai người mang cô gái vào phòng ngủ của mình, và giờ đây Mirza Saeed buộc phải ngắm nhìn giai nhân đang ngủ thứ nhì trong cái giường ấy, và một lần nữa anh chợt thấy một cảm giác dường như sâu đậm đến mức không thể gọi bằng cái tên thô thiển là *thèm muốn*. Anh thấy lợm giọng vì ham muốn như bản của chính mình, cùng lúc cũng thấy hân hoan vì những cảm giác đang tuôn chảy trong con người mình, những cảm giác mới mẻ khiến anh rất nao nức vì sự mới mẻ của chúng. Mishal đến đứng bên cạnh chồng. Saeed hỏi: "Em có biết con bé không?" và cô gật đầu. "Một cô bé mồ côi. Cô bé làm ra những con thú nhỏ bằng sứ để bán ở quốc lộ(9). Cô bé đã bị bệnh này từ nhỏ." Mirza Saeed cảm thấy kinh ngạc, như đã cảm thấy nhiều lần, vì cái tài kết nối với người khác của vợ mình. Anh chỉ nhận biết một vài dân làng, nhưng cô thì biết tên thân mật của từng người, lịch sử dòng họ và thu nhập. Họ thậm chí kể cho cô nghe những giấc mộng của mình, tuy rằng chỉ có một vài người nằm mơ nhiều hơn một lần mỗi tháng vì họ quá nghèo không gánh nổi thứ xa xỉ đó. Nỗi yêu thương tràn trề anh cảm thấy lúc bình minh trở lại, anh quàng tay qua vai cô. Cô tựa đầu vào anh và nói nhỏ: "Chúc mừng sinh nhật anh." Anh hôn lên đỉnh đầu cô. Họ đứng ôm nhau và ngắm cô gái đang ngủ. Vợ anh bảo anh tên cô là Ayesha.

o0o

Sau khi cô bé mồ côi Ayesha đến tuổi dậy thì và trở thành đối tượng thèm muốn của nhiều chàng trai do sắc đẹp khiến người nhìn phải thẩn thờ và vẻ xa vắng của cô, người ta bắt đầu đồn đãi rằng cô đang tìm người yêu là thần tiên vì cô nghĩ rằng đàn ông trần gian không xứng với cô. Những kẻ bị cô từ chối than vãn rằng thực ra mà nói thì cô đâu có cơ gì để ra vẻ kén chọn như thế, thứ nhất là vì cô là trẻ mồ côi, thứ nhì là vì cô bị quỷ động kinh ám, con quỷ này chắc chắn sẽ khiến thần linh chán ghét thay vì thích cô. Thậm chí vài chàng trai cay cú còn gợi ý rằng những khuyết tật của Ayesha sẽ khiến cô không bao giờ có được tấm chồng, cô nên có tình nhân ngay để khỏi phí hoài nhan sắc lẽ ra phải được trao cho một người ít khiếm khuyết hơn. Mặc dù bọn trai trẻ của Titlipur tìm cách biến cô thành gái chơi

của họ, Ayesha vẫn trinh trắng, phòng vệ của cô là cái nhìn đến những khoảng không gian ngay phía trên vai trái của mọi người, cái nhìn chăm chú mãnh liệt đến mức thường bị hiểu lầm là sự khinh thường. Rồi thiên hạ nghe chuyện cô có thói quen mới là nuốt bướm và chỉnh lại ý kiến của họ về cô, tin chắc rằng cô bị khùng, do đó không nên ân ái với cô, lỡ quý ám tình nhân của cô thì sao. Sau đó những chàng trai đầy dục vọng của làng để mặc cô trong túp lều của cô, một mình với mấy con thú đồ chơi và món thực phẩm chấp chơi kỳ lạ của cô. Tuy thế, có một anh chàng hay đến ngồi gần cửa của cô, kín đáo quay mặt về phía ngược lại, như thể đang canh gác, dù cô không còn cần người bảo vệ nữa. Anh ta trước kia thuộc loại tiện dân(10) ở làng Chatnapatna kế cận, đã cải sang đạo Hồi và lấy tên Osman. Ayesha không hề để mắt đến Osman, mà Osman cũng không mong thế. Trên đầu họ, những nhánh cây xanh lá của ngôi làng phe phẩy trong làn gió nhẹ.

Làng Titlipur đã lớn lên trong bóng mát của một cây si(11) khổng lồ, vì vương duy nhất với nhiều nhánh rễ ngự trị trên một khoảng đất gần một ki-lô mét đường kính. Lúc này, cây lớn lên trong làng, làng lớn lên trong cây, hai việc này đã hòa trộn một cách phức tạp đến mức không thể phân biệt. Có những khu vực của cây đã trở thành những chỗ hẹn hò nổi tiếng của tình nhân, những khu vực khác là nơi nuôi gà. Một số người lao động nghèo hơn đã dựng lều chái ở những góc cạnh của các cành cây vững chãi, thực sự sống trong tàng lá dày. Có cành cây được dùng làm lối đi xuyên qua làng, những cái đu trẻ con làm bằng râu ria của gốc cây lâu năm, và ở những nơi cây cong xuống gần mặt đất thì lá cây tạo thành mái của một đám chòi dường như treo trên cây lá như tổ chim đan. Khi hội đồng làng nhóm họp, họ ngồi trên cành cây lớn nhất. Dân làng đã quen lệ gọi gốc cây bằng tên làng, và gọi làng bằng cái tên đơn giản: "gốc cây". Những cư dân không thuộc loài người của cây si – kiến mật, sóc, chim cú – được nể trọng như những dân làng. Chỉ có lũ bướm là bị bỏ lơ, như niềm hy vọng đã từ lâu đã lộ vẻ giả dối.

Đây là một làng Hồi giáo, vì thế nên anh chàng cải đạo Osman đã đến nơi này với bộ y phục hề và con bò đực "bùm bùm" sau khi anh theo đạo Hồi vì

quá tuyệt vọng, hy vọng rằng đổi sang một cái tên Hồi giáo sẽ có lợi hơn những lần đổi tên trước đây, ví dụ như khi những kẻ tiện dân được đổi tên thành "con cái của Trời."(12) Là con cái của Trời ở Chatnapatna, anh không được phép lấy nước giếng của thị trấn, vì sự sờ mó của một kẻ bị gạt bên lề sẽ làm nhơ bẩn nước uống. Không có đất đai, và cũng mồ côi như Ayesha, Osman kiếm sống bằng cách làm hề. Con bò đực của anh đội trên sừng hai hình nón bằng giấy màu đỏ chói, và trên lưng trên mũi phủ vải có dây bạc lấp lánh. Anh đi từ làng này qua làng khác diễn trò ở đám cưới và những dịp ăn mừng khác, trong trò diễn con bò đực là người bạn thân thiết nhất mà cũng là kẻ đối nghịch nhất của anh, gật đầu để trả lời khi anh hỏi, gật một cái là "không", gật hai cái là "đúng."

Osman sẽ hỏi: "Chúng ta đã đến ngôi làng dễ thương quá hả?"

Bùm, con bò đực không đồng ý.

"Không phải sao? Phải mà. Nhìn xem: chẳng phải người dân tốt lành lắm sao?" Bùm.

"Cái gì? Thế thì đây là một làng toàn kẻ tội lỗi?"

Bùm, bùm.

"Ôi chu choa! Vậy là mọi người sẽ xuống địa ngục hết?" Bùm, bùm.

"Nhưng nè chú em(13), còn chút hy vọng nào không?"

Bùm, bùm, con bò đực chỉ bảo cách cứu rỗi. Osman nao nức cúi xuống, kê tai vào miệng con bò đực. "Nhanh lên, nói xem muốn được cứu rỗi thì họ phải làm gì?" Lúc ấy con bò đực nhắc mũi của Osman ra khỏi đầu anh và ngậm nó đi quanh đám đông để xin tiền, và Osman sẽ vui vẻ gật đầu: bùm bùm.

Ở Titlipur, Osman người cải đạo và con bò đực bùm bùm của anh ta được mến chuộng, nhưng chàng thanh niên chỉ muốn làm vui lòng một người, mà cô lại không chịu. Anh đã thú nhận với cô rằng việc cải đạo Hồi của anh phần lớn là có mục đích chiến lược, "Chỉ để được có nước uống thôi Bibi à,

còn biết làm sao hơn?” Cô nổi cáu vì lời thú nhận của anh, nói với anh rằng anh không phải tín đồ Hồi giáo, linh hồn anh đang gặp nguy và nếu anh trở về Chatnapatna và chết khát thì cô cũng chẳng màng. Trong lúc cô nói, gương mặt cô hồng lên trong nỗi thất vọng đối với anh, nỗi thất vọng không rõ vì sao lại dữ dội thế, và chính nỗi thất vọng dữ dội này đã cho anh niềm lạc quan để tiếp tục ngồi, ngày này qua ngày khác, cách nơi cô ở chừng mười bước, nhưng cô vẫn nghênh ngang đi qua chỗ anh ngồi, mũi hếch lên, không cả một tiếng chào buổi sáng hay anh-mạnh-chứ.

Mỗi tuần một lần, những xe chở khoai tây của Titlipur lăn bánh xuống lối mòn hẹp suốt bốn giờ đồng hồ để đến Chatnapatna ở giao lộ của lối mòn và đường quốc lộ. Chatnapatna có những kho chứa cao bằng nhôm sáng loáng của những nhà buôn sỉ khoai tây, nhưng điều này không đáng gì đến việc Ayesha đến thị trấn thường xuyên. Cô sẽ đi nhờ một chiếc xe chở khoai, tay nắm chặt một túi vải gai, để mang đồ chơi của cô ra chợ. Chatnapatna nổi tiếng khắp vùng vì những món đồ chơi nhỏ nhỏ cho trẻ con, những món khắc gỗ và những hình thù phết men sứ. Osman và con bò đực của anh đứng ở rìa cây si, nhìn cô lắc lư trên những bao khoai tây cho đến khi cô chỉ còn là một cái chấm nhỏ.

Ở Chatnapatna, cô đi đến chỗ Sri Srinivas, chủ xưởng đồ chơi lớn nhất thị trấn. Trên tường ngoài là những chữ viết không có phép về những thứ chính trị đương thời: *Hãy bầu phiếu cho Bàn Tay*(14). Hoặc lễ độ hơn: *Xin hãy bầu phiếu cho ĐCS(M)*(15). Trên những lời thúc giục này là tuyên bố kiêu hãnh: *Toy Univas của Srinivas. Châm ngôn của chúng tôi là: Thành tâm & Sáng tạo*. Bên trong là Srinivas, một người phốp pháp, đầu hói sáng bóng, khoảng năm mươi tuổi, tuy đã bán đồ chơi cả đời nhưng chưa thành chua chát. Ayesha kiếm sống được là nhờ ông. Srinivas mẫn tài khắc gỗ của cô đến mức ông thỏa thuận mua hết số hàng cô làm được. Nhưng thay vì vẻ tốt bụng thường lệ, mặt ông tối lại khi Ayesha mở túi hàng cho ông xem hai lỗ tượng khắc một người đàn ông đội mũ hề, kèm theo một con bò đực được tô vẽ, đầu gắn dây bạc có thể gật gù. Hiểu rằng Ayesha đã tha thứ việc Osman cải đạo, Sri Srinivas la lên, “Con cũng biết cái thằng ấy sinh ra đã là đứa phản trắc. Đổi thưởng để dễ dàng như đổi dhoti(16), cái thứ

nào lại thế? Chỉ có Trời mới biết con mắc phải cái chứng gì, nhưng ta không muốn mấy món đồ chơi này.” Bức tường sau lưng ông có treo một giấy chứng nhận đóng khung in những chữ kiểu cầu kỳ: *Giấy này để chứng nhận Ông SRI. S. SRINIVAS là một Chuyên gia Lịch sử Địa chất của Trái Đất vì đã bay qua Grand Canyon với HÀNG KHÔNG SCENIC.* Srinivas nhắm mắt và khoanh tay, một ông Bồ Tát không tươi cười với quyền uy không thể chối cãi của một ông Bồ Tát đã từng bay. “Thằng nhỏ đó là thứ yêu tà.” Ông nói với vẻ dút khoát, và Ayesha gom mấy tượng đồ chơi vào tấm khăn vải gai của mình, rồi quay mình đi khỏi mà không cãi lại. Srinivas lập tức mở mắt: “Con bé này, con không làm khó ta sao? Con nghĩ là ta không biết con cần tiền hả? Sao con lại làm chuyện ngu ngốc dường ấy? Giờ thì con làm sao đây? Đi làm mấy búp bê KG(17) đi, làm nhanh lên, rồi ta sẽ mua giá cao cho con, vì ta mắc tật rộng rãi quá tay.” Sáng chế riêng của Ông Srinivas là búp bê Kế hoạch Gia đình, một biến thể có trách nhiệm xã hội của loại búp bê kiểu Nga. Trong con búp bê bố mặc y phục Tây phương và đi ủng là búp bê mẹ nhu mì mặc sari, và trong con búp bê mẹ là búp bê con gái chứa đựng một búp bê con trai. Hai đứa con là nhiều rồi: đó là thông điệp của mấy con búp bê. Srinivas gọi với theo Ayesha. “Nhanh nhanh lên, Búp bê KG xoay vòng nhanh lắm.” Ayesha quay lại và mỉm cười: “Ông Srinivas đừng lo cho con,” cô nói, rồi đi ra.

Cô gái mồ côi Ayesha lúc đó mười chín tuổi đi bộ về Titlipur theo lối mòn chở khoai tây, nhưng khi cô đến làng khoảng bốn mươi tám tiếng sau đó thì cô đã đạt đến mức không có tuổi, vì tóc cô đã trắng như tuyết, làn da của cô đã lấy lại vẻ hoàn hảo ngời sáng của làn da trẻ sơ sinh, và mặc dù cô hoàn toàn trần truồng, lũ bướm đã đậu lên người cô đầy kín đến mức cô dường như đang mặc một chiếc áo dài bằng chất liệu mỏng manh nhất vũ trụ. Anh hề Osman đang tập trò diễn với con bò đực bùm bùm gần lối mòn, vì cho dù cô vắng mặt quá lâu khiến anh lo muốn chết, và dù anh đã tìm kiếm cô suốt đêm hôm trước, anh vẫn cần kiếm sống. Khi anh nhìn thấy cô, chàng trai chưa hề kính nể Thượng đế vì đã sinh ra trong hạng tiện dân thấy lòng đầy kính sợ và không dám lại gần cô gái anh đã yêu hết lòng không cưỡng lại được.

Cô vào túp lều của mình và ngủ suốt một ngày một đêm không tỉnh. Rồi cô đến gặp trưởng làng, Trưởng Hội đồng làng(18) Muhammad Din, và thản nhiên báo cho ông hay rằng cô nhìn thấy Thiên sứ Gibreel hiện ra nằm nghỉ bên cạnh cô. “Linh hiển đã đến giữa chúng ta,” cô bảo ông Trưởng Hội đồng làng đang hốt hoảng, người cho đến lúc đó lo chuyện số lượng khoai tây nhiều hơn là sự siêu nghiệm. “Chúng ta phải hiến dâng tất cả, rồi cũng được ban cho tất cả.”

Trong một phần khác của cây si, vợ Trưởng Hội đồng làng Khadija đang an ủi một anh hề đang khóc lóc, khó lòng chấp nhận rằng một hiện hữu cao cả hơn đã chiếm mất Ayesha yêu quý của anh, vì khi thiên sứ nằm cùng người nữ nào thì cánh đàn ông sẽ mất người nữ ấy. Khadija đã cao tuổi, đấng trí, thường vụng về khi gắng biểu lộ tình thương, và bà dùng câu tục ngữ cổ: “Mặt trời lặn lúc người ta e có cọp,” tức “họa vô đơn chí,” việc không may thường đi chung với nhau, những lời chẳng an ủi được Osman bao nhiêu.

Không lâu sau câu chuyện phép lạ truyền ra ngoài, cô gái Ayesha được gọi đến dinh thự, và trong những ngày sau đó cô nói chuyện riêng rất lâu với vợ ông chủ đất, Begum(19) Mishal Akhtar, và mẹ của Mishal đang thăm viếng cũng đem lòng ưa thích người vợ tóc bạc của thiên sứ.

o0o

Từ ngày sinh nhật của anh, Mirza Saeed bỗng tràn ngập những thèm muốn mãnh liệt, “như thể cuộc sống quả thực bắt đầu ở tuổi bốn mươi,” vợ anh kinh ngạc nói. Hôn nhân của họ trở nên năng động đến mức gia nhân thay khăn trải giường một ngày ba lần. Mishal thăm hy vọng rằng sinh lực dồi dào của chồng sẽ khiến cô thụ thai, vì cô vững tin rằng các bác sĩ nói sao thì nói, hăng hái thì nên chuyện, và rằng những năm dài đo thân nhiệt mỗi sáng khi thức dậy, rồi vẽ kết quả vào đồ thị để lập khuôn mẫu kỳ rụng trứng, thực sự đã khiến trẻ sơ sinh không muốn ra đời, một phần vì rất khó nồng nhiệt đúng mức khi khoa học xen vào ân ái, và cũng một phần vì cô cho rằng một bào thai có chút tự trọng sẽ không muốn vào bụng của một bà mẹ máy móc đến thế. Mishal vẫn cầu nguyện được có con, dù cô không còn nhắc đến điều ấy với Saeed để tránh tạo cho anh cảm giác anh đã làm

cô thất vọng trong khía cạnh này. Nhắm mắt giả vờ ngủ, cô sẽ xin Thượng đế một dấu hiệu, và khi Saeed trở nên nũng nãn như thế, thường xuyên như thế, cô tự hỏi phải chăng đây chính là dấu hiệu. Vì thế, cô đã không mặc kệ, như lẽ ra phải thế, yêu cầu lạ lùng của anh là từ đây mỗi khi họ đến ở tại Peristan, cô sẽ theo "lệ xưa" và không gặp đàn ông lạ(20). Ở thành phố, nơi họ có một căn nhà lớn nhiều khách khứa, ông địa chủ và vợ có tiếng là một trong những cặp đôi "tân tiến" và "xả láng" nhất; họ sưu tập nghệ thuật đương đại và tổ chức tiệc tùng phóng túng và mời bạn bè đến hú hí trong bóng tối trên những chiếc ghế dài trong khi xem phim khiêu dâm. Vì thế khi Mirza Saeed nói, "Em nghĩ sao, Mishu, chúng ta cư xử cho hợp tình hợp cảnh với căn nhà cổ này cũng thú vị chứ," lẽ ra cô phải cười vào mặt anh. Thay vì thế cô trả lời, "Tùy ý anh," vì theo cô hiểu thì theo ý anh việc ấy là một trò chơi gợi tình. Thậm chí anh nói bóng gió rằng anh thèm muốn cô nhiều đến nỗi anh có thể cần bộc lộ bất cứ lúc nào, và nếu cô ở bên ngoài phòng riêng thì người làm trong nhà có thể thấy gương; ít nhất thì sự hiện diện của cô chắc chắn sẽ khiến anh không thể tập trung vào việc đang làm; và chẳng, ở thành phố, "chúng ta sẽ vẫn hoàn toàn tân tiến." Từ những lời này, cô hiểu rằng thành phố có nhiều thứ khiến Mirza xao nhãng, vì thế cô có nhiều cơ hội thụ thai nhất ở ngay Titlipur này. Cô quyết định ở lại. Đó là lúc cô mời mẹ mình đến ở chơi, vì nếu cô giam mình trong chái nữ thì cô cần có bầu bạn. Bà Qureishi đến, thân hình phốp pháp rung nảy cái kính, định tâm sẽ mắng con rể cho đến khi nó bỏ chuyện nữ giới cách biệt(21) ngu ngốc, nhưng Mishal van nài "Đừng mẹ," khiến bà ngạc nhiên. Vợ của giám đốc ngân hàng nhà nước, chính Bà Qureishi cũng rất sắc sảo. "Thật ra, trong những năm niên thiếu của con, con như bà già còn mẹ sống trẻ trung. Mẹ nghĩ là con đã kéo được mình ra khỏi cái rãnh mòn đó nhưng mẹ thấy là chồng con đã đẩy con xuống đó lại." Vợ của nhà tài chính vẫn luôn cho rằng con rể của bà bủn xỉn ngăm, một ý niệm vẫn tồn tại nguyên vẹn cho dù không có chút chứng cứ nào. Bỏ lơ lời phủ quyết của con gái, bà tìm ra Mirza Saeed trong khu vườn được chăm sóc cẩn thận và nhào đến bên anh, núng nẩy thân mình để nhấn mạnh như thường lệ. "Con đang sống kiểu gì thế?" bà hạch hỏi. "Con gái của mẹ không phải để nhốt lại mà là để đưa đi chơi! Của cái để làm gì nếu

con khóa kín lại hết? Con à, mở khóa túi tiền và mở khóa cho vợ con. Đưa nó đi chơi, tân trang lại tình yêu của hai con, trong một *chuyến đi* vui vẻ!” Mirza Saeed mở miệng, nhưng không tìm ra lời để nói, ngậm miệng lại. Mê mẩn vì tài hùng biện của chính mình, những lời đã đột nhiên phát sinh ý tưởng về một chuyến đi chơi, Bà Qureishi thấy thích chủ đề của mình hơn. “Cứ chuẩn bị rồi đi!” bà giục. “Đi chơi đi! Đi chơi với nó, hay là con muốn giam nó lại cho đến lúc nó đi,” – lúc này bà chỉ một ngón tay đe dọa lên trời – “*mãi mãi?*”

Vẻ hối lỗi, Saeed hứa sẽ suy xét ý đi chơi.

Bà hét lên đặc thẳng. “Con chờ gì nữa hả? Cái thẳng mềm yếu?

Thẳng...*Hamlet?*”

Chỉ trích của mẹ vợ kích động một cơn tự trách tình thoáng lại đến đã quấy rầy Mirza Saeed từ lúc anh thuyết phục Mishal không ra ngoài (22). Để tự an ủi, anh quyết định đọc truyện *Ghare-Baire* của Tagore có ông địa chủ thuyết phục vợ ra ngoài, sau đó cô vợ theo một phong trào chính trị quá khích liên quan đến cuộc vận động “swadeshi”(23), và rốt lại ông địa chủ bị chết. Truyện này khiến anh vui lên một lúc, nhưng rồi mỗi nghi ngờ của anh trở lại. Anh thực lòng tin những lý do anh nói với vợ, hay là anh chỉ muốn tìm cách rảnh tay theo đuổi nữ thần của lũ bướm, cô Ayesha mắc chứng động kinh? “Rảnh tay gì chứ.” Anh nghĩ khi nhớ đến Bà Qureishi và con mắt điều hâu mang vẻ cáo buộc của bà. Anh tự biện luận rằng sự hiện diện của mẹ vợ là bằng chứng rõ ràng hơn nữa cho lòng thành của anh. Chẳng phải anh đã vui vẻ khuyến khích Mishal gọi bà đến hay sao, dù anh biết bà già phì lũ không ưa anh và sẽ ngờ anh giở đủ trò? Anh tự hỏi: “Nếu mình định máy mó lần khân thì mình đâu có muốn bà ấy đến chơi?” Nhưng tiếng nói nội tâm nhì nhằng tiếp: “Gần đây người hăng làm tình, quẩn quýt vợ trở lại, tất cả chỉ là dùng vợ thể thân. Thực sự là người đang mong con bé nhà quê lẳng lơ đến lẳng lơ với người.”

Mặc cảm tội lỗi khiến ông chủ đất thấy mình hoàn toàn vô dụng. Trong nỗi khổ của anh, những lời mắng mỏ của mẹ vợ dường như chính là sự thật. Bà gọi anh “đứa mềm yếu” và trong lúc anh ngồi trong phòng đọc sách, chung quanh là những kệ sách với những con mọt đang thỏa thuê gặm nhấm



những cuốn sách tiếng Phạn vô giá, những cuốn sách thậm chí kho lưu trữ quốc gia cũng không có, cũng như những cuốn sách ít cao cả hơn là bộ toàn thư của Percy Westerman, G. A. Henty, Dornford Yates, Mirza Saeed nhận rằng, đúng y boong là mình mềm yếu. Căn nhà đã qua bảy thế hệ và sự mềm yếu đã diễn ra qua bảy thế hệ. Anh đi theo hành lang có treo hình tổ tiên của anh lồng trong những khung mạ vàng xấu xí, và suy ngẫm về tấm gương anh treo ở vị trí cuối cùng để nhắc nhở rằng một ngày kia anh cũng phải trèo lên bức tường này. Anh là một người đàn ông không có góc cạnh gồ ghề, thậm chí khuỷu tay anh cũng có lớp thịt đệm. Trong gương, anh nhìn thấy bộ ria mỏng, cái cằm yếu đuối, môi dính nước trà. Má, mũi, trán: mềm, mềm, mềm tất. Anh la lên: "Ai mà thềm đến cái thứ như mình chứ?" và khi anh nhận ra anh bối rối đến mức bật nói thành tiếng thì anh biết chắc chắn mình đã yêu, đã lạm tình quá lắm, và đối tượng tình yêu của anh không còn là vợ anh.

Anh thở dài một mình: "Vậy thì mình là một đứa đáng nguyên rủa, nông cạn, phỉnh phờ và tự lừa dối vì chỉ ít lâu mà mình đã thay đổi nhiều đến thế. Mình đáng bị giết phút." Nhưng anh không phải là loại dám làm dám chịu. Thay vì thế, anh đi một lát trong những hành lang của Peristan, và không bao lâu sau căn nhà hóa phép phục hồi cho anh một tâm trạng gần như vui vẻ.

Mặc dù có cái tên tiên cảnh, căn nhà là một dinh thự vững chắc, khá tầm thường, biến thành khác lạ chỉ vì được đặt sai chỗ. Dinh thự đã được một kiến trúc sư người Anh tên Perowne xây vào bảy thế hệ trước. Được giới chức thuộc địa rất ưa chuộng, ông chỉ dùng có một kiểu nhà nghỉ vùng quê kiểu tân-cổ-điển của Anh. Thời đó, những ông địa chủ lớn thích kiến trúc châu Âu đến phát cuồng. Ông tăng tổ của Saeed đã thuê Perowne chỉ sau năm phút gặp gỡ tại bữa tiệc của Phó Vương, để công khai tỏ ra rằng không phải người Hồi giáo nào cũng ủng hộ hành động của binh lính Meerut(24) hoặc đồng tình với những cuộc nổi loạn sau đó, không phải thế, hoàn toàn không phải, – rồi ông cho Perowne toàn quyền định đoạt –, vì thế giờ đây Peristan đứng giữa những ruộng khoai tây gần xích đạo và bên cạnh cây si khổng lồ, phủ đầy dây leo hoa giấy, có rãnh trong nhà bếp và xác bướm

trong tủ chén đĩa. Một vài người nói cái tên của nó đâu phải cái chi lạ lùng, là từ cái tên của ông người Anh đó mà; Peristan là *Perownistan* viết ngắn lại thôi.

Sau bảy thế hệ, rốt cuộc nó bắt đầu trông hài hòa hơn với khung cảnh nhiều xe bò và cây lá cọ và bầu trời cao trong sáng nặng trĩu những vì sao. Thậm chí cửa sổ lát kính màu nhìn xuống cầu thang của Vua Charles Không Đầu không rõ cách nào cũng không còn vẻ xa lạ. Rất ít địa chủ thời trước còn sống sót được sau sự tàn phá của chủ nghĩa bình đẳng trong thời hiện đại, và như thế Peristan có một thứ không khí mốc ẩm của bảo tàng viện, mặc dù – hoặc có thể là vì – Mirza Saeed rất hãnh diện về dinh thự cổ xưa này và tiêu tiền không tiếc để chỉnh trang nó. Anh ngủ dưới một vòm cao bằng đồng thau trong một cái giường đáng thuyền đã là giường của ba vị Phó Vương. Trong phòng khách lớn anh thích ngồi cùng Mishal và Bà Qureishi trên một cái ghế dài ba chỗ là lạ. Cuối căn phòng này, một tấm thảm Shiraz lớn cuộn lại dựng đứng trên những bệ gỗ đang đợi buổi tiếp tân tráng lệ xứng để nó được trải ra, buổi tiếp tân chưa bao giờ đến. Trong phòng ăn có những cột lớn, đỉnh cột trang trí cầu kỳ theo kiểu Corinth, những con công, chim thật cũng như chim đá, trên những bậc thềm chính dẫn vào dinh thự, và đèn treo kiểu Venice kêu leng keng trong hành lang. Những cái quạt vải(25) từ thuở trước vẫn còn dùng được, có dây kéo chạy theo những ròng rọc và những lỗ hổng trong tường cũng như sàn nhà đến một phòng chứa nhỏ ngọt ngào có người kéo quạt làm việc, với sự mai mỉa là người đưa gió mát về những phần khác của dinh thự thì lại phải giam mình trong không gian hôi hám của căn phòng nhỏ không có cửa sổ. Những gia nhân cũng đã có từ bảy thế hệ trước và do đó đã mất đi nghệ thuật than vãn. Lề lối cũ ngự trị: thậm chí những người bán kẹo bánh ở Titlipur trước khi bán một thứ đồ ngọt mới sáng chế cũng phải xin phép ông địa chủ. Cuộc sống dưới tàng cây si khó khăn bao nhiêu thì ở Peristan nó êm đềm bấy nhiêu, nhưng ngay sự hiện hữu êm ấm ấy vẫn có thể bị những đòn nặng nề.

o0o

Biết được vợ mình dành đa số thời gian nói chuyện riêng với Ayesha khiến Mirza bức bối vô cớ, một thứ ngứa ngáy tâm linh khiến anh nổi khùng vì không thể nào gãi nó được. Mishal hy vọng thiên sứ chồng của Ayesha sẽ ban cho cô một đứa con, nhưng vì cô không thể nói cho chồng nghe điều ấy, cô đâm ra sưng sía và nhún vai dẫn dắt khi anh hỏi tại sao cô phí nhiều thì giờ đến thế với cô gái khùng khịu nhất của làng. Mishal trở nên ít nói, khiến cái ngứa trong lòng Mirza Saeed lại tệ hơn nữa, và cũng khiến anh ghen, mặc dù anh không rõ anh ghen với Ayesha hay với Mishal. Lần đầu tiên anh để ý thấy rằng nữ chủ bướm có đôi mắt cùng màu xám rục rờ như mắt vợ anh, và không hiểu sao việc này cũng khiến anh bức mình, như thể nó chứng minh rằng hai người phụ nữ đang hùa nhau chống lại anh, thì thậm chí bí mật chỉ có Trời mới biết là chuyện gì; có lẽ họ đang lú lo không ngớt về anh! Việc Mishal không ra ngoài nữa dường như đã phản tác dụng, thậm chí Bà Qureishi núng nính cũng đâm mê Ayesha. Thật là một bộ ba quái lạ, Mirza Saeed nghĩ; khi những thứ lảng nhảng vào cửa chính, lý lẽ ra ngoài cửa sổ.

Về phần Ayesha: khi cô gặp Mirza trên ban công, hoặc trong vườn những khi anh vừa lang thang vừa đọc thơ tình tiếng Urdu, cô luôn luôn ra vẻ kính nể và rụt rè, nhưng lối cư xử đúng mực của cô, cộng thêm việc cô không hề có vẻ động lòng, khiến Saeed càng lúc càng thấy tuyệt vọng. Vì thế, một ngày kia khi anh nhìn thấy Ayesha vào phòng của vợ anh và vài phút sau đó nghe mẹ vợ rú lên một tiếng đầy kịch tính, anh nhắm nhắm muốn trả hận và cố tình đợi đúng ba phút sau rồi vào xem là chuyện gì. Anh thấy Bà Qureishi tự giạt tóc và nức nở như ngôi sao điện ảnh, trong lúc Mishal và Ayesha ngồi xếp bằng trên giường, đối diện nhau, hai đôi mắt xám nhìn nhau, và hai bàn tay của Ayesha đang úp lấy mặt Mishal.

Hóa ra là thiên sứ đã cho Ayesha biết vợ của ông địa chủ sắp chết vì ung thư, rằng đôi vú của cô đầy những nốt ác mố chết người, và rằng cô sẽ chỉ sống thêm vài tháng. Chỗ ung thư phát sinh chứng tỏ với Mishal sự tàn nhẫn của Thượng đế, vì chỉ có một vị thần ác nghiệt mới đặt cái chết vào vú của một người phụ nữ có ước mơ duy nhất là cho sự sống mới bú sữa.

Khi Saeed bước vào, Ayesha đang khẩn thiết thì thầm với Mishal: "Chị không nên nghĩ thế. Thượng đế sẽ cứu chị. Đây là một thử thách lòng tin."

Bà Qureishi nói cho Mirza Saeed nghe tin dữ cùng nhiều tiếng la rú, và điều này là quá sức chịu đựng đối với ông địa chủ vốn đã bối rối. Anh nổi giận, la hét om sòm, run lên như thể anh sắp đập nát đồ đạc và những người trong phòng.

Anh cúi kính hét lên với Ayesha: "Kệ xác hù dọa ung thư của cô. Cô đã vào nhà tôi với cái điên khùng và thiên sứ của cô rồi rót nọc độc vào tai gia đình tôi. Cô cút đi ngay cùng những thứ tiên đoán cũng như ông chồng vô hình của cô. Đây là thế giới hiện đại, báo cho người ta biết mình có bệnh là bác sĩ y khoa chứ không phải ma quỷ trong ruộng khoai tây. Dừng không mà cô đã quậy lên cái trò rùm beng khi gió này. Cút đi, đừng có đến đất của tôi nữa."

Ayesha nghe anh nói mà không rời mắt khỏi Mishal và vẫn ôm mặt Mishal trong tay mình. Khi Saeed ngưng lại để thở, hai tay nắm mở liên tục, cô nhỏ nhẹ nói với vợ anh: "Chúng ta phải hiến dâng tất cả, rồi chúng ta sẽ được ban cho tất cả." Khi anh nghe lời tụng này, lời tụng dân làng đã bắt đầu đọc lại như thể họ thực sự hiểu nó muốn nói gì, Mirza Saeed Ahktar nổi điên lên, giơ tay đánh Ayesha bất tỉnh. Cô ngã xuống sàn, miệng chảy máu, một cái răng lung lay vì nắm đấm của anh, và trong lúc cô nằm đó Bà Qureishi chửi bới con rể. "Trời ơi, tôi đã đưa con gái của tôi cho một thằng sát nhân. Trời ơi, một đứa đánh đập đàn bà. Đây này, đánh luôn mẹ đi, tập dượt chút đi. Đồ miệt thị thánh thần, đồ bán rẻ, đồ yêu quý, đồ dơ dáy."

Không một lời, Saeed rời khỏi phòng. Ngày hôm sau Mishal Saeed nhất định đòi về thành phố để khám bệnh tổng quát. Saeed giữ vững lập trường: "Nếu em muốn tin dị đoan, thì em cứ đi, nhưng đừng mong anh đi theo. Đi về mỗi lượt tám tiếng lái xe, thế cho nên, không đời nào." Chiều hôm ấy Mishal đi cùng với mẹ cô và người tài xế, và kết quả là Mirza Saeed đã không có mặt nơi anh lẽ ra phải có mặt, tức là bên cạnh vợ mình khi cô được biết kết quả thử nghiệm: dương tính, không giải phẫu được, đã tiến triển quá mức, những móng vuốt ung thư đã ăn sâu vào khắp ngực của cô.

Một vài tháng, sáu tháng nếu cô may mắn, và trước đó, không bao lâu nữa, là những cơn đau đớn. Mishal trở về Peristan và đi thẳng vào phòng mình, viết cho chồng một lá thư chính thức trên giấy màu tím nhạt để báo cho chồng biết chẩn đoán của bác sĩ. Khi anh đọc án tử của cô, viết bằng chính bàn tay của cô, anh rất muốn òa khóc, nhưng mắt anh cứ nhất định ráo hoảnh. Đã lâu lắm anh không nghĩ đến Vị Tối Thượng, nhưng giờ đây một vài câu của Ayesha bật lên trong trí anh. *Thượng đế sẽ cứu rỗi. Sẽ ban cho tất cả.* Một ý niệm cay đắng, dị đoan đến với anh. "Đây là tai ương," anh nghĩ. "Vì ta thèm muốn Ayesha, nên cô ta giết vợ mình." Khi anh đến phòng của vợ, Mishal không chịu gặp anh, nhưng mẹ cô đang đứng chặn cửa phòng đưa cho Saeed một mẫu thư khác trên giấy màu xanh dương tẩm nước hoa. "Mẹ muốn gặp Ayesha," tờ giấy viết. "Xin con cho phép." Cúi đầu, Mirza Saeed chấp thuận, và hồ thẹn lui đi.

oOo

Ngày kế sau ngày Mishal Akhtar trở về Titlipur, cô gái Ayesha mà dân chúng đã bắt đầu gọi là tiên tri, hoặc bề trên(26), biến mất biệt cả một tuần lễ. Người ái mộ không may của cô, người đã đi theo cách sau cô một quãng suốt lối mòn chở khoai tây đến Chatnapatna là anh hề Osman nói với dân làng rằng một cơn gió nổi lên tung bụi vào mắt anh, và khi anh giụi mắt xong thì cô "không còn đó nữa." Bình thường khi Osman và con bò đực của anh bắt đầu kể chuyện tà linh thần đèn bùa chú thì dân làng ra về khoan dung và trêu anh, phải rồi Osman, để dành mấy chuyện đó cho bọn ngốc ở Chatnapatna đi, họ có thể tin mấy thứ đó nhưng ở Titlipur chúng tôi biết điều gì là đúng và cung điện đâu thể xuất hiện trừ phi một ngàn lẻ một nhân công xây nó lên, và nó cũng không biến mất trừ phi cũng từng đó nhân công đập nó xuống. Tuy thế, lần này không ai cười nhạo anh hề, vì dân làng sẵn lòng tin bất cứ chuyện gì dính dáng đến Ayesha. Họ đã tin chắc rằng cô gái tóc trắng như tuyết là truyền nhân đích thực của Bibiji xưa, vì chẳng phải lũ bướm đã trở lại vào năm cô sinh ra hay sao, và chẳng phải là bướm đi theo cô như tấm áo choàng sao? Ayesha là minh chứng cho niềm hy vọng đã từ lâu thành thất vọng bắt đầu nhen nhúm lại từ khi lũ bướm trở về, là bằng cứ rằng những điều kỳ diệu vẫn có thể xảy ra trong

cuộc đời này, ngay cả đối với những kẻ yếu thế và nghèo khó nhất thế gian.

“Thiên sứ đã mang cô ấy đi rồi,” vợ Trưởng Hội đồng làng Khadija kinh ngạc nói, và Osman òa khóc. Bà già Khadija không hiểu ý bèn giải thích: “Nhưng đó là điều rất tuyệt mà.” Dân làng trêu Trưởng Hội đồng làng: “Thật không hiểu nổi tại sao ông được chức trưởng làng với một bà vợ thiếu tế nhị như vậy.”

Ông cấm cản trả lời: “Mấy người chọn tôi chứ ai.”

Ngày thứ bảy sau khi cô biến mất, người ta thấy Ayesha bước về phía làng, lại trần truồng và phủ bướm vàng, mái tóc bạc phất phới sau lưng cô theo cơn gió. Cô đến thẳng nhà Trưởng Hội đồng làng Muhammad Din và yêu cầu hội đồng làng lập tức nhóm họp khẩn. Cô thổ lộ: “Sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử gốc cây si đã đến.” Không từ chối cô được, Muhammad Din định giờ họp vào buổi chiều tối ngày hôm ấy, sau khi mặt trời lặn.

Tối hôm ấy hội đồng làng yên vị ở nhánh cây thường lệ, trong khi tiên tri Ayesha đứng dưới đất trước mặt họ. Cô nói: “Tôi đã bay cùng thiên sứ đến tầm cao nhất. Đúng thế, thậm chí đến cây gai tặn phía xa(27). Thiên sứ Gibreel đã mang đến cho chúng ta một thông điệp mà cũng là lệnh truyền. Chúng ta phải hiến dâng tất cả, rồi sẽ được ban cho tất cả.”

Chưa có điều gì trong cuộc đời Trưởng Hội đồng làng Muhammad Din chuẩn bị ông cho sự lựa chọn ông sắp phải đối mặt. “Thiên sứ yêu cầu điều gì hả, Ayesha con?” ông hỏi, cố gắng giữ giọng không run.

“Ý muốn của Thiên sứ là tất cả chúng ta, tất cả đàn ông, phụ nữ, trẻ em trong làng lập tức chuẩn bị cho một chuyến hành hương. Chúng ta có lệnh phải đi bộ từ đây đến Mecca để hôn hòn Đá Đen ở Ka’aba giữa thánh đường Hồi giáo Haram Sharif(28). Chúng ta phải đi đến đó.”

Giờ đây năm người trong hội đồng làng bắt đầu tranh luận sôi nổi. Phải xét đến vụ mùa, và việc không tưởng là hòa nhau bỏ nhà đi hết. Trưởng Hội đồng làng bảo cô: “Không làm nổi đâu con. Ai cũng biết là Allah miễn thứ

haj và umra(29) cho những người thực sự không thể đi vì lý do sức khỏe hay nghèo túng.” Nhưng Ayesha tiếp tục im lặng và mấy ông già tiếp tục tranh cãi. Rồi như thể sự lặng yên của cô truyền sang mọi người, không ai nói lời nào một lúc rất lâu, và trong lúc ấy vấn đề được định đoạt, dù bằng cách nào thì chưa có ai hiểu được.

Rốt cuộc anh hề Osman là người phá vỡ yên lặng, Osman người cải đạo, xem đức tin mới không hơn một ngụm nước uống. Anh la lên: “Từ đây đến biển hơn ba trăm ki-lô mét. Trong làng có bà già, có trẻ thơ. Làm sao chúng ta đi được?”

Ayesha bình thản trả lời: “Thượng Đế sẽ cho chúng ta sức mạnh.”

Không chịu thua, Osman hét: “Cô đã nghĩ đến chuyện giữa chúng ta và Mecca có một đại dương chưa? Làm sao chúng ta đi qua biển? Chúng ta không có tiền thuê thuyền hành hương. Không chừng thiên sứ sẽ cho chúng ta mọc cánh để bay?”

Nhiều dân làng giận dữ tụ lại quanh anh chàng Osman báng bổ. Trưởng Hội đồng làng Muhammad Din mắng anh: “Yên nào. Cậu theo đạo của chúng tôi chưa bao lâu, ở làng chúng tôi cũng chưa bao lâu. Không biết thì dựa cột mà nghe.”

Tuy nhiên, Osman xác xược trả lời: “Vậy ra đây là cách các người chào đón dân mới đến. Không được là ngang hàng, mà phải nghe lời các người.” Một nhóm đàn ông mặt mày đỏ tía đứng sát lại gần Osman hơn, nhưng chưa có gì xảy ra thì tiên tri Ayesha đã biến đổi không khí hoàn toàn bằng cách trả lời mấy câu hỏi của anh hề.

Cô nói nhỏ nhẹ: “Thiên sứ cũng có giải thích chuyện này. Chúng ta sẽ đi bộ hơn ba trăm ki-lô mét đến bờ biển, chúng ta sẽ đặt chân vào bọt sóng, và làn nước sẽ rẽ lối cho chúng ta. Nước sẽ rẽ lối, và chúng ta sẽ đi qua lòng biển đến Mecca.”

o0o

Sáng hôm sau Mirza Saeed Akhtar thức dậy trong một căn nhà bỗng trở nên im ắng khác thường. Khi anh gọi gia nhân, không ai trả lời. Sự vắng lặng cũng tràn vào ruộng khoai tây, nhưng dưới tàng lá tủa rộng của cây Titlipur thì rất nhộn nhịp. Hội đồng làng đã nhất tề bỏ phiếu tuân theo lệnh truyền của Thiên sứ Gibreel, dân làng đã bắt đầu chuẩn bị ra đi. Trưởng Hội đồng làng muốn thợ mộc Isa đóng xe bò kéo cho người già bệnh, nhưng ý ấy bị chính vợ ông đập đổ. Bà nói: "Trưởng Hội đồng làng, ông không chịu nghe cho kỹ! Chẳng phải thiên sứ bảo chúng ta phải đi bộ sao? Nếu là thế thì chúng ta sẽ phải làm thế." Chỉ những trẻ bé nhất được miễn đi bộ, và (như đã quyết định) chúng sẽ được người lớn luân phiên cõng trên lưng. Dân làng đã gom góp hết tiền của, khoai tây, đậu, gạo, mướp đắng, ớt, cà tím, và những loại rau khác đang chất đống cạnh nhánh cây hội đồng làng. Số lượng lương thực được chia đều cho những người đi bộ. Những dụng cụ nấu nướng cũng được gom lại, và nệm gối nào tìm được. Những súc vật thồ sẽ được mang theo, một hai xe kéo chở gà sống và những thứ đại loại, nhưng nói chung Trưởng Hội đồng làng đã chỉ thị những người hành hương phải hạn chế tối đa vật dụng cá nhân. Việc chuẩn bị đã bắt đầu từ trước rạng đông, nên khi Mirza Saeed tức giận sai bước vào làng, mọi thứ đã tiến triển đáng kể. Trong bốn mươi lăm phút mọi thứ chậm lại trong lúc ông địa chủ la lối và lắc vai dân làng, nhưng rồi may sao là anh chịu thua và bỏ đi nên công việc có thể tiếp tục với nhịp độ nhanh như lúc trước. Khi Mirza bỏ đi, anh tự đập đầu mình nhiều lần và rửa xả dân làng nào là *đồ điên*, *đồ khờ*, những chữ rất tệ, nhưng trước nay anh vẫn là một người vô thần, đoạn kết yếu nhược của một dòng dõi mạnh mẽ, anh phải tự mình tìm ra số phận của chính mình; không cãi được với những người như anh.

Đến hoàng hôn thì dân làng đã sẵn sàng ra đi. Trưởng Hội đồng làng bảo mọi người dậy sớm cầu nguyện để họ có thể đi ngay sau đó, tránh được giờ nóng nhất trong ngày. Đêm ấy, nằm trên cái chiếu bên cạnh bà Khadija, ông thì thầm: "Rốt cuộc chuyện này đã đến. Trước nay tôi vẫn muốn nhìn thấy Ka'aba, đi vòng quanh đền trước khi tôi chết." Bà giơ tay ra ngoài chiếu của mình và nắm lấy tay ông: "Tôi cũng hy vọng được thế, dù biết là vô vọng," bà nói. "Chúng ta sẽ cùng nhau đi qua biển."



Bực bội muốn điên lên vì cảnh dân làng chuẩn bị hành trang, Mirza Saeed xông xộc đi vào phòng vợ. Anh vừa khoa chân múa tay vừa la: "Mishu, em đến xem này. Cả Titlipur đã khùng lên và sẽ đi nghỉ mát ở bờ biển. Còn nhà cửa ruộng vườn của họ thì sao? Mọi thứ sẽ tiêu tùng. Chắc là có dính dáng của mấy đứ đả kích động chính trị. Một kẻ nào đã mua chuộc ai đó. – Em nghĩ xem nếu anh cho tiền thì họ có hết khùng và không đi nữa không?" Giọng anh thành khô khan. Ayesha đang ở trong phòng.

"Đồ chết dẫm," anh nguyền rủa cô. Ayesha đang ngồi xếp bằng trên giường trong khi Mishal và mẹ cô ngồi xổm dưới sàn sắp xếp đồ đạc và định xem họ cần những thứ tối thiểu nào cho cuộc hành hương.

"Em sẽ không đi," Mirza Saeed giận dữ nói. "Anh cấm em, chỉ có quý mới biết con đĩ này đã lây cho dân làng loại vi trùng nào, nhưng em là vợ anh và anh không cho em làm việc tự sát này."

"Nói hay lắm," Mishal cười cay đắng. "Anh nói hay lắm. Anh biết em sẽ không sống được nhưng anh lại nói việc tự tử. Saeed này, có một việc đang xảy ra, và anh cùng với chủ nghĩa vô thần nhập cảng từ châu Âu của anh không biết đó là cái gì. Hoặc có thể anh sẽ biết nếu anh nhìn xuống bên dưới bộ vest kiểu Anh của anh và kiểm xem tim anh nằm ở đâu."

Saeed la lên: "Thật không tin nổi. Mishal, Mishu, có phải thực là em đây không? Sao bỗng dưng em lại trở thành loại người sợ Thượng đế của thời xưa xưa?"

Bà Qureishi nói: "Con ra ngoài đi. Ở đây không có chỗ cho người thiếu đức tin. Thiên sứ đã nói với Ayesha rằng khi Mishal hoàn tất chuyến hành hương đến Mecca thì bệnh ung thư của nó sẽ biến mất. Phải hiến dâng tất cả rồi sẽ được ban cho tất cả."

Mirza Saeed Akhtar áp hai bàn tay lên tường phòng ngủ của vợ và áp trán vào lớp vữa trát. Sau một lúc lâu anh nói: "Nếu đây là việc thực hiện umra thì mình vào thị trấn đi máy bay. Mình có thể đến Mecca trong vòng hai ba ngày."

Mishal trả lời: "Chúng em có lệnh phải đi bộ."

Saeed mất bình tĩnh. "Mishal à, Mishal à," anh thét lên. "Được lệnh ư? Của Thiên sứ hả Mishu? *Gibreel*? Thượng đế râu dài và thiên thần có cánh ư? Thiên đàng và địa ngục hả Mishal, Quỷ đuôi nhọn và móng gõ ư? Em sẽ theo đuổi chuyện này đến đâu? Phụ nữ có linh hồn không, em nói đi. Hoặc nói cách khác: linh hồn có phái tính không? Thượng đế da đen hay da trắng? Khi nước biển rẽ lối, phần nước dư đó đi đâu? Nước có dựng lên như bức tường hai bên không? Hả Mishal? Em trả lời đi. Có phép lạ không? Em có tin Thiên đàng không? Tội lỗi của anh sẽ được tha thứ chăng?" Anh bắt đầu khóc, và sụp quỳ xuống, trán anh vẫn áp vào tường. Người vợ sắp chết của anh đến phía sau anh và quàng tay ôm lưng anh. Anh chờ đợi nói: "Em cứ đi hành hương đi, nhưng ít nhất hãy mang chiếc xe Mercedes theo. Xe có máy lạnh, em có thể mang cả thùng đá đầy Coke."

Cô dịu dàng nói: "Không. Em và mẹ sẽ đi như mọi người khác. Chúng em là người hành hương. Đây không phải là chuyến dã ngoại ở bãi biển."

Mirza Saeed Akhtar khóc ròng. "Anh không biết phải làm sao. Mishu, một mình anh lo không nổi."

Ayesha ngồi trên giường nói: "Ông Mirza hãy đi với chúng tôi. Những tư tưởng của ông đã thành vô giá trị. Hãy đi để cứu rỗi linh hồn ông."

Mắt đỏ dọc, Saeed đứng dậy, quay về phía Bà Qureishi với vẻ ác nghiệt: "Mẹ muốn đi chơi đó mà. Đúng là quả báo. Chuyến đi chơi của mẹ sẽ làm tiêu tán nhà con, cả bảy thế hệ, một cái đùng."

Mishal tựa má vào lưng anh. "Đi với chúng em đi Saeed. Đi đi mà."

Anh quay lại đối diện Ayesha, cương quyết nói: "Không có Thượng đế."

"Thượng Đế chỉ có một, và Muhammad là Tiên tri của Người," cô trả lời.

Anh tiếp tục: "Trải nghiệm thần bí là sự thật chủ quan chứ không phải sự thật khách quan. Nước sẽ không rẽ lối."

"Biển sẽ rẽ lối theo lệnh truyền của thiên sứ," Ayesha trả lời.

“Cô chắc chắn sẽ đưa dân chúng vào thảm họa.”

“Tôi sẽ dẫn họ vào lòng Thượng Đế.”

Mirza Saeed nhất quyết: “Tôi không tin cô. Nhưng tôi sẽ đi, và với mỗi bước chân sẽ tìm cách chấm dứt sự điên rồ này.”

Ayesha vui mừng: “Thượng đế chọn nhiều phương cách, nhiều con đường để người nghi ngại được đưa đến lòng tin.”

“Cô đi xuống địa ngục đi,” Mirza Saeed Akhtar hét, và chạy ra khỏi phòng, khiến bướm bay tán loạn.

oOo

Anh hề Osman vừa chải lông con bò đực của anh trong cái chuồng bò bé xíu vừa thì thầm vào tai nó: “Ai khủng hơn, bà điên, hay thằng khờ yêu bà điên?” Con bò đực không trả lời. Osman tiếp tục: “Không chừng chúng ta nên cứ là tiện dân. Biển cả bắt buộc nghe tệt hơn cái giếng cấm.” Con bò đực gật đầu hai lần để đồng ý, bùm bùm.

### **Chú Thích:**

(0) Tác giả - 59 -han nhiều ngôn ngữ khác nhau cho một số khái niệm và tên nhân vật trùng lặp trong nhiều tôn giáo và văn hóa. Chú thích trong bản dịch này sẽ phần lớn - 59 -han phiên bản tiếng Anh. Tuy thế, những tên phiên âm từ tiếng Ả Rập có thể có nhiều phiên bản tiếng Anh khác nhau.

(1) Nguyên tác: zamindar

(2) Nguyên tác: chappal

(3) Nguyên tác: obsidian

(4) Nguyên tác: familiar spirits

(5) Bibi: lỗi xưng hô kính trọng cho phụ nữ; ji: lỗi xưng hô kính trọng

- (6) Một khu vực gần Kashmir thuộc Afghanistan. Cũng có nghĩa "tiên cảnh"
- (7) Titli: bướm; pur: thị trấn
- (8) Nguyên tác: zenana wing
- (9) Nguyên tác: trunk road
- (10) Nguyên tác: untouchable
- (11) Nguyên tác: banyan tree
- (12) Nguyên tác: children of God, từ chữ harijan trong tiếng Hindi: Mahatna Gandhi đổi cách gọi "tiện dân" (untouchable) thành "con Trời" để mong xóa bỏ thành kiến xã hội đối với họ
- (13) Nguyên tác: bhaijan
- (14) Biểu tượng của đảng Quốc dân Đại hội Ấn Độ (Indian National Congress). Cách hô hào chính trị này nhằm vào những người dân ít học chỉ bầu phiếu theo hình biểu tượng.
- (15) Đảng Cộng sản (Mác-Xít). Nguyên tác: CP(M): Communist Party (Marxist)
- (16) Tấm vải quấn phần - 60 -han dưới
- (17) KG: chữ tắt cho Kế Hoạch Gia Đình. Nguyên tác: Family Planning
- (18) Nguyên tác: Sarpanch
- (19) Lỗi xứng hô kính trọng cho phụ nữ
- (20) Nguyên tác: purdah
- (21) Nguyên tác: take the veil
- (22) Nguyên tác: purdah
- (23) Phong trào chủ nghĩa quốc gia của Ấn
- (24) Ý nhắc đến cuộc nổi loạn chống thực dân Anh của dân Ấn vào năm 1857

(25) Nguyên tác: punkah

(26) Nguyên tác: kahin (tiên tri), pir (bề trên)

(27) Tôi đã bay cùng thiên sứ đến tầm cao nhất: tương tự như Muhammad bay lên Thiên đàng (gọi là miraj trong kinh Qu'ran); thậm chí đến cây gai tặn phía xa: trong kinh Qu'ran, bên rìa Thiên đàng là một cây gai

(28) Ka'aba: Đền thiêng Hồi giáo nằm giữa đền thờ Hồi giáo Haram Shairf ở Mecca

(29) Haj: Luật Hồi giáo chỉ định rằng mỗi người đạo Hồi phải hành hương đến Mecca ít nhất một lần trong đời và thực hiện nhiều nghi thức khác nhau; Umra cũng như Haj với ít nghi thức hơn.

-----

**Nguồn:** <https://damau.org/74423/trch-doan-nhung-van-tho-quy-the-satanic-verses-chuong-4>

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

